BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1	171575463	Nguyễn Vinh	An	K17QCD3	DTE 302 A	10	8	7	7	7	0.0	Không	*Nợ HP*
2	1820216219	Thái Thị Chiêu	Anh	K18QTH	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
3	1820313719	Lê Thị Tú	Anh	K18NAB	DTE 302 A	10	9	9	8	7.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
4	1820316246	Nguyễn Thị Vân	Anh	K18NAB	DTE 302 A	7.5	9	0	8	7	6.2	Sáu Phẩy Hai	
5	1820424146	Trần Hoàng	Anh	K18KTN	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
6	1821616198	Nguyễn Đức	Anh	K18XDD	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
7	1910347724	Nguyễn Thị Minh	Anh	K19VCD	DTE 302 A	10	10	8	7	7	8.1	Tám Phẩy Một	
8	1910347728	Hà Lê Việt	Anh	K19VCD	DTE 302 A	10	10	8	8	7.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
9	1910418676	Nguyễn Thị Thùy	Anh	K19CMU-TCD	DTE 302 A	10	9	8	7	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
10	1920720724	Trần Thị Ngọc	Ánh	K19DLL	DTE 302 A	10	9	9	8	7	8.3	Tám Phẩy Ba	
11	1821214855	Phan Thanh	Bảo	K18QTH	DTE 302 A	7.5	9	0	7	7.5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
12	172227098	Hoàng Thanh	Bình	K17XDC	DTE 302 A	10	8	8	8	6.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
13	172237356	Đinh Thanh	Bình	K17KTR	DTE 302 A	10	8	6	8	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
14	171578764	Trần Long Bảo	Châu	K17QCD8	DTE 302 A	7.5	0	8	8	8	6.3	Sáu Phẩy Ba	
15	1820636426	Trần Bảo	Châu	K18KMT	DTE 302 A	10	9	8	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
16	1910349042	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	K19VCD	DTE 302 A	5	9	8	0	0	0.0	Không	
17	1821166681	Mai Đình	Chín	K18XDD	DTE 302 A	10	8	8	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
18	1821415230	Võ Văn	Chung	K18CSU-KTR	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
19	172237364	Trầm Đức	Cường	K17KTR	DTE 302 A	10	8	8	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
20	1921113090	Lê Phú	Cường	K19TMT	DTE 302 A	10	8	8	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
21	172237367	Phạm Văn	Danh	K17KTR	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
22	1821613524	Đặng Quốc	Đạo	K18CSU-XDD	DTE 302 A	10	10	9	8	8	8.8	Tám Phẩy Tám	
23	172216538	Lê Hoàng	Đạt	K17CSU-XDD	DTE 302 A	10	8	7	7	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
24	172237369	Lê Nguyễn Tất	Đạt	K18KTR	DTE 302 A	7.5	0	7	8	6.5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
25	1811614438	Hồ Công	Đạt	K18XCD	DTE 302 A	7.5	8	6	0	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
26	1921126432	Phan Xuân	Đạt	K19CMU-TPM	DTE 302 A	10	8	8	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
27	1820714406	Trần Thị	Diễm	K18PSU-DLK	DTE 302 A	7.5	0	8	8	9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
28	1820716523	Nguyễn Thị	Diễm	K18DLK	DTE 302 A	7.5	7	8	0	7.5	6.0	Sáu	
29	1921126481	Trần Quang	Diệu	K19CMU-TPM	DTE 302 A	7.5	8	6	0	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
30	1821615829	Nguyễn Phong	Định	K18XDD	DTE 302 A	10	8	7	8	6.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
31	1910227380	Trương Thị Nhật	Đông	K19KCD	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
32	172227121	Hà	Đức	K17XDC	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
33	172237379	Phạm Văn	Đức	K17KTR	DTE 302 A	10	8	9	8	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
34	1911239934	Đào Xuân	Đức	K19BCD	DTE 302 A	10	9	7	7	6	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
35	1820356469	Lê Thị Phương	Dung	K18VQH	DTE 302 A	7.5	0	8	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
36	1821354431	Diệp Kiều	Dung	K18VQH	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
37	1910317634	Hồ Thùy	Dung	K19NCD	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
38	172237383	Cao Phan Thanh	Dũng	K17KTR	DTE 302 A	10	5	6	7	7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
39	1921433962	Nguyễn Thế	Dũng	K19TPM	DTE 302 A	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
40	1921613345	Lê Tự	Dũng	K19CSU-XDD	DTE 302 A	10	8	7	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
41	1821614729	Nguyễn Nho	Duy	K18XDD	DTE 302 A	7.5	0	7	7	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
42	1921215227	Nguyễn Thế	Duy	K19QTH	DTE 302 A	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
43	1921612439	Phạm Quang	Duy	K19DLK	DTE 302 A	7.5	8	7	0	7.5	6.0	Sáu	
44	1910219403	Đỗ Thị Hồng	Giàu	K19KCD	DTE 302 A	10	9	9	8	7.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
45	1820255364	Nguyễn Thị	Hà	K18KKT	DTE 302 A	10	9	9	8	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
46	1820326639	Nguyễn Thị Tâm	Hà	K18NAD	DTE 302 A	10	8	8	6	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
47	1921433946	Kỳ Hữu	Hải	K19TPM	DTE 302 A	7.5	8	7	0	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
48	172237392	Trần Thị Thúy	Hằng	K17KTR	DTE 302 A	10	9	8	8	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
49	1911221839	Nguyễn Thị Anh	Hằng	K19KCD	DTE 302 A	7.5	10	8	0	7	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
50	172227094	Nguyễn Văn	Hanh	K17XDC	DTE 302 A	10	9	7	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
51	1820253658	Lê Trần Mỹ	Hạnh	K18KKT	DTE 302 A	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
52	1911117077	Lê Trí	Hào	K19CMU-TCD	DTE 302 A	10	8	8	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
53	1920251870	Trần Thị Thanh	Hảo	K19KKT	DTE 302 A	10	10	8	8	7	8.3	Tám Phẩy Ba	
54	1920326369	Văn Thị Thanh	Hiền	K19NAD	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
55	1911237819	Lê Đình	Hiệu	K19BCD	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
56	171136401	Lê Duy	Hoàng	K17CMU_TCD	DTE 302 A	7.5	0	5	8	6.5	0.0	Không	*Nợ HP*
57	172127585	Trần Huy	Hoàng	K17TPM	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
58	172317774	Ngô Bá Ngọc	Hoàng	K17KKT	DTE 302 A	7.5	0	9	8	7.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
59	1811114519	Cao Quốc	Hoàng	K18CMU-TCD	DTE 302 A	5	0	8	0	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
60	1821413531	Lâm Minh	Hoàng	K18KTR	DTE 302 A	5	0	0	8	7.5	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
61	1921116395	Trần	Hoàng	K19CMU-TMT	DTE 302 A	7.5	8	0	7	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
62	1921736848	Nguyễn Viết	Hoàng	K19PSU-DLH	DTE 302 A	10	8	9	7	7.5	8.0	Tám	
63	1821413844	Đào Thanh	Hùng	K18KTR	DTE 302 A	10	8	8	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
64	1821413857	Trương Xuân	Hùng	K18CSU-KTR	DTE 302 A	7.5	0	6	8	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
65	1921126474	Huỳnh Bá Mạnh	Hùng	K19CMU-TPM	DTE 302 A	5	8	0	0	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
66	1821113507	Lê Minh	Hưng	K20QTH	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
67	1821174800	Đoàn Việt	Hưng	K18EĐT	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
68	1821413547	Lê Viết Duy	Hưng	K18CSU-KTR	DTE 302 A	10	8	7	8	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
69	1911317650	Huỳnh Lương Phước	Hưng	K19NCD	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
70	1921644920	Châu Ngọc	Hưng	K19KMQ	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
71	172237416	Nguyễn Thị Xuân	Hương	K17KTR	DTE 302 A	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
72	1820524825	Phạm Thị Kim	Hương	K18YDH	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
73	1920715778	Võ Thanh Lan	Hương	K19DLK	DTE 302 A	7.5	9	0	7	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
74	1811714573	Liêu	Huy	K18DCD	DTE 302 A	7.5	8	0	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
75	1820414091	Nguyễn Thanh	Huyền	K18KTR	DTE 302 A	5	5	0	0	7	0.0	Không	
76	1920215077	Trần Thị	Huyền	K19QTH	DTE 302 A	10	9	8	7	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
77	172227112	Lê Duy	Khiêm	K17XDC	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
78	1921126479	Phan Văn Nguyên	Khoa	K19CMU-TPM	DTE 302 A	7.5	0	7	7	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
79	172227086	Lê Thanh	Lâm	K17XDC	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
80	1821174161	Phạm Văn	Lễ	K18EĐT	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
81	172237430	Vũ Thanh	Lịch	K17KTR	DTE 302 A	5	10	7	0	0	0.0	Không	
82	1820356348	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	K18VQH	DTE 302 A	10	8	8	7	8	8.0	Tám	
83	1920229666	Nguyễn Thị Khánh	Liên	K19QTM	DTE 302 A	7.5	0	8	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
84	1920265656	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K19KDN	DTE 302 A	10	10	8	8	7	8.3	Tám Phẩy Ba	
85	1921439810	Huỳnh Duy	Linh	K19CMU-TTT	DTE 302 A	5	0	7	0	7	0.0	Không	
86	172227092	Đỗ Văn	Lĩnh	K17XDC	DTE 302 A	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
87	172227117	Hồ Sỹ	Luân	K17XDC	DTE 302 A	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
88	1821526212	Lê Đăng	Luận	K18YDH	DTE 302 A	7.5	0	8	7	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
89	1821614027	Huỳnh Tấn	Lực	K18XDD	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
90	1821614736	Phan Huy	Lực	K18XDD	DTE 302 A	7.5	8	6	7	0	5.0	Năm	
91	1910217011	Phạm Trần Thanh	Ly	K19KCD	DTE 302 A	2.5	9	0	0	0	0.0	Không	
92	1910227384	Phạm Thị Trúc	Ly	K19KCD	DTE 302 A	10	9	8	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
93	1910311948	Nguyễn Chấn	Ly	K19NCD	DTE 302 A	10	9	8	8	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
94	151135221	Dương Minh	Mẫn	K18XCD	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
95	1921126478	Nguyễn Hồng	Mạnh	K19CMU-TPM	DTE 302 A	7.5	9	7	0	6.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
96	172237440	Trần Sĩ	Minh	K17KTR	DTE 302 A	7.5	0	9	8	7	6.2	Sáu Phẩy Hai	
97	1810714577	Trương Thị Trà	My	K18PSU-QCD	DTE 302 A	5	9	0	0	7	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
98	1910348111	Phan Thùy	My	K19VCD	DTE 302 A	7.5	9	0	8	7	6.2	Sáu Phẩy Hai	
99	1910349723	Nguyễn Thị Trà	My	K19VCD	DTE 302 A	10	9	8	8	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
100	172227114	Nguyễn Trung	Mỹ	K17XDC	DTE 302 A	10	10	8	8	7	8.3	Tám Phẩy Ba	
101	172227106	Nguyễn Xuân	Nam	K17XDC	DTE 302 A	10	8	8	7	8	8.0	Tám	
102	1910310834	Đỗ Như	Ngà	K19NCD	DTE 302 A	2.5	9	0	0	0	0.0	Không	
103	171326020	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K19KCD	DTE 302 A	5	0	8	0	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
104	1911237828	Nguyễn Ngọc	Nghị	K19BCD	DTE 302 A	10	5	7	7	6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
105	1921715760	Trần Văn	Nghĩa	K19DLK	DTE 302 A	10	8	7	7	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
106	1820264380	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	K18KDN	DTE 302 A	10	8	9	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
107	1911239573	Trần Quốc	Ngữ	K19BCD	DTE 302 A	5	8	7	0	0	0.0	Không	
108	1910227354	Phạm Thị Quỳnh	Nguyên	K19BCD	DTE 302 A	7.5	0	7	7	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
109	1810215918	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	K19KCD	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
110	1911237794	Nguyễn Thiện	Nhân	K19BCD	DTE 302 A	10	5	8	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
111	1921413560	Nguyễn Hữu Thiện	Nhân	K19KTR	DTE 302 A	7.5	9	8	0	7.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
112	172237450	Nguyễn Đức	Nhẫn	K17KTR	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
113	1920716723	Trần Huỳnh Ý	Nhi	K21PSU_DLK	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
114	1920718501	Nguyễn Thị Lương	Nhi	K19DLK	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
115	1920722326	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	K19DLL	DTE 302 A	7.5	9	9	0	7	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
116	1820244290	Trần Thị Tuyết	Nhung	K19QNH	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
117	1920316263	Ngô Thị Đường Tiểu	Ny	K19PSU-DLK	DTE 302 A	5	0	0	9	7	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
118	1820356467	Nguyễn Thị Kim	Oanh	K18VQH	DTE 302 A	7.5	8	8	0	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
119	161327515	Nguyễn Huy	Phan	K19KCD	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
120	1921246666	Lê Trần	Phát	K19PSU-QNH	DTE 302 A	10	8	8	7	6.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
121	172227070	Đào Xuân	Phú	K17XDC	DTE 302 A	10	9	8	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
122	1821125988	Trần Hồng	Phúc	K18TPM	DTE 302 A	5	0	0	7	6.5	0.0	Không	
123	1821243649	Trương Hoài Sinh	Phúc	K18PSU-QNH	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
124	162233560	Thiều Quang	Phước	K18KTR	DTE 302 A	5	0	8	0	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
125	1811616591	Nguyễn Thanh	Phương	K18XCD	DTE 302 A	10	5	8	8	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
126	1920255450	Nguyễn Thị Anh	Phương	K19PSU-KKT	DTE 302 A	7.5	0	8	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
127	1921123165	Nguyễn Thanh	Phương	K19QTH	DTE 302 A	10	5	7	8	8	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
128	1820144427	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	K18CMU-TTT	DTE 302 A	10	10	6	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
129	172216549	Đoàn Lê	Quang	K17CSU-XDD	DTE 302 A	7.5	0	8	7	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
130	1821253690	Nguyễn Thanh	Quang	K18KKT	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
131	1921418572	Phạm Ngọc	Quang	K19CSU-KTR	DTE 302 A	7.5	0	8	7	6.5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
132	1821425847	Trần Hữu	Quốc	K18KTN	DTE 302 A	5	0	0	7	7	0.0	Không	
133	1921121830	Võ Văn	Quỳ	K19TPM	DTE 302 A	7.5	10	7	0	7	6.2	Sáu Phẩy Hai	
134	1920267996	Nguyễn Hương	Quỳnh	K19KDN	DTE 302 A	10	10	9	9	8	9.0	Chín	
135	1821614741	Lê Thái	Sang	K18CSU-XDD	DTE 302 A	7.5	9	0	8	9	6.9	Sáu Phẩy Chín	
136	172317939	Trương Quang	Sinh	K17KKT	DTE 302 A	2.5	0	0	0	7	0.0	Không	
137	172247552	Phạm Thái	Sơn	K18EVT	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
138	1921613352	Nguyễn Ngọc	Sơn	K19QTH	DTE 302 A	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
139	1920326394	Lê Thị	Sương	K19NAD	DTE 302 A	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
140	1921113080	Hà Tiến	Tài	K19TMT	DTE 302 A	10	8	8	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
141	172237475	Bùi Hồng	Tâm	K17KTR	DTE 302 A	10	5	7	7	7.5	7.0	Bảy	
142	1911518622	Nguyễn Duy	Tâm	K19YCD	DTE 302 A	5	0	8	0	7.5	0.0	Không	*Nợ HP*
143	1821413847	Nguyễn Vĩnh	Tân	K18CSU-KTR	DTE 302 A	7.5	8	6	0	7.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
144	1821416014	Phan Trung	Tân	K18KTR	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
145	1921128123	Phan Công	Thái	K19TPM	DTE 302 A	7.5	9	7	0	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
146	1920715907	Thái Thị	Thận	K19DLK	DTE 302 A	10	10	8	8	7	8.3	Tám Phẩy Ba	
147	172227110	Phan Mạnh	Thắng	K17XDC	DTE 302 A	10	9	8	7	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
148	1821175260	Lê Văn	Thắng	K18EĐT	DTE 302 A	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
149	1821215871	Hoàng Đình	Thắng	K18QTH	DTE 302 A	7.5	5	0	7	8	5.5	Năm Phẩy Năm	
150	1821414124	Trương Đức	Thắng	K18CSU-KTR	DTE 302 A	2.5	5	0	0	0	0.0	Không	
151	1821713700	Trần Khắc	Thắng	K18DLK	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
152	1911117122	Đỗ Đức	Thắng	K19BCD	DTE 302 A	2.5	0	8	0	0	0.0	Không	
153	1921116409	Nguyễn Quang	Thắng	K19TMT	DTE 302 A	5	8	0	8	0	0.0	Không	
154	1821614015	Hoàng Minh	Thành	K18XDD	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
155	1911117146	Hồ Sỹ	Thành	K19CMU-TCD	DTE 302 A	10	10	8	7	7	8.1	Tám Phẩy Một	
156	172227080	Phạm Thanh	Thảo	K17XDC	DTE 302 A	7.5	10	7	0	6.5	6.1	Sáu Phẩy Một	
157	1910217007	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K19KCD	DTE 302 A	10	9	7	6	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
158	1920215088	Nguyễn Lê Nguyên	Thảo	K19QTH	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
159	1920255445	Ngô Thị Phương	Thảo	K19KKT	DTE 302 A	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
160	172217280	Huỳnh Nhất	Thiên	K17XDD	DTE 302 A	7.5	8	6	0	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
161	172237485	Lê Đức	Thiện	K17KTR	DTE 302 A	10	5	8	7	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
162	1911717251	Nguyễn Cao	Thiện	K19KCD	DTE 302 A	7.5	0	8	7	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
163	1921173855	Trần Minh	Thiện	K19TPM	DTE 302 A	10	8	9	8	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
164	162236507	Huỳnh Ngọc	Thịnh	K17KTR	DTE 302 A	7.5	8	0	7	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
165	1921726040	Võ Ngọc	Thịnh	K19DLL	DTE 302 A	10	9	7	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
166	1921146872	Ngô Đình	Thông	K19CMU-TTT	DTE 302 A	7.5	8	7	0	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
167	1921215208	Lê Hữu	Thông	K19QTH	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
168	1921123183	Nguyễn Tài	Thu	K19TMT	DTE 302 A	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
169	1910347722	Phan Thị Anh	Thư	K19VCD	DTE 302 A	10	10	8	8	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
170	1921715709	Nguyễn Thị Hoài	Thương	K19DLK	DTE 302 A	7.5	0	8	8	9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
171	1810225082	Nguyễn Ngọc	Thùy	K18PSU-QCD	DTE 302 A	2.5	8	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
172	1920715849	Lê Thủy	Tiên	K19PSU-DLK	DTE 302 A	7.5	9	9	0	7	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
173	1921356232	Trần Hà	Tiên	K19VQH	DTE 302 A	5	0	0	7	8	4.3	Bốn Phẩy Ba	
174	1920712314	Tạ Thị Ngọc	Tin	K19DLK	DTE 302 A	7.5	0	8	7	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
175	1821253677	Nguyễn Trung	Tín	K18KKT	DTE 302 A	7.5	8	8	0	6.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
176	1921644921	Lê Trung	Tín	K19CMU-TPM	DTE 302 A	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
177	1921715852	Nguyễn Văn	Tính	K19DLK	DTE 302 A	10	9	7	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
178	1911117149	Nguyễn Khánh	Toàn	K19CMU-TCD	DTE 302 A	10	9	7	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
179	1820525271	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	K18YDH	DTE 302 A	10	5	8	8	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
180	1820254317	Trần Thị	Trang	K18KKT	DTE 302 A	10	9	8	8	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
181	1820254324	Phạm Thị	Trang	K18KKT	DTE 302 A	10	10	8	8	7	8.3	Tám Phẩy Ba	
182	1920225277	Trần Nguyễn Huyền	Trang	K19QTM	DTE 302 A	10	10	9	7	7	8.3	Tám Phẩy Ba	
183	1920269406	Đoàn Thị Thảo	Trang	K19KDN	DTE 302 A	10	9	8	8	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
184	1920715919	Hồ Phương	Trang	K19DLK	DTE 302 A	10	9	8	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
185	1921126491	Đào Minh Thiện	Trí	K19CMU-TPM	DTE 302 A	10	8	9	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
186	1921618909	Nguyễn Văn	Triều	K19CSU-XDD	DTE 302 A	10	9	7	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
187	1920257974	Phạm Thị Diễm	Trinh	K19KKT	DTE 302 A	10	10	8	8	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
188	1920716749	Huỳnh Thị Xuân	Trinh	K19PSU-DLK	DTE 302 A	5	0	0	8	8	4.5	Bốn Phẩy Năm	
189	1921128897	Nguyễn Văn	Trọng	K19CMU-TPM	DTE 302 A	7.5	0	8	7	6.5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
190	1921126477	Đoàn Công	Trực	K19CMU-TPM	DTE 302 A	10	8	7	7	6.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
191	1921126489	Lê Nam	Trung	K19CMU-TPM	DTE 302 A	10	8	8	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
192	1911317642	Võ Tuấn	Tú	K19NCD	DTE 302 A	7.5	8	9	0	8	6.5	Sáu Phẩy Năm	
193	1821614021	Huỳnh Ngọc	Tuấn	K18XDD	DTE 302 A	10	8	6	7	6.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
194	1821614040	Nguyễn Minh	Tuấn	K18CSU-XDD	DTE 302 A	7.5	8	0	8	9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
195	1921129838	Võ Đình	Tuấn	K19CMU-TPM	DTE 302 A	5	8	0	0	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
196	1921173809	Lê Hoàng Minh	Tuấn	K19EĐT	DTE 302 A	5	10	0	0	7.5	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
197	1920269238	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	K19KDN	DTE 302 A	10	10	9	8	8	8.8	Tám Phẩy Tám	
198	1920726050	Lê Thị Ánh	Tuyết	K19DLL	DTE 302 A	10	9	7	7	4.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
199	1910317610	Hồ Nguyễn Lam	Uyên	K19NCD	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	
200	1920256706	Lê Phan Thảo	Uyên	K19PSU-KKT	DTE 302 A	10	9	8	8	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
201	1920316323	Trương Thị Kim	Vân	K19NAB	DTE 302 A	7.5	0	8	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
202	172237512	Phạm Lâm	Văn	K17KTR	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
203	162735078	Bùi Quốc	Việt	K18VQH	DTE 302 A	5	8	0	0	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
204	1821414784	Trần Quốc	Việt	K18CSU-KTR	DTE 302 A	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
205	1821614746	Phạm Văn	Vinh	K18CSU-XDD	DTE 302 A	10	5	8	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
206	172127627	Nguyễn Hoàng	Vũ	K17TPM	DTE 302 A	7.5	0	8	7	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
207	172227099	Nguyễn Đức	Vũ	K17XDC	DTE 302 A	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
208	1821414086	Trần Đình Hoàng	Vũ	K18KTR	DTE 302 A	7.5	0	8	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
209	1821415197	Trần Đình	Vương	K18KTR	DTE 302 A	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
210	1920715710	Phan Thị Việt	Vương	K19DLK	DTE 302 A	5	0	0	8	8	4.5	Bốn Phẩy Năm	
211	1921163765	Huỳnh Xuân	Vương	K19TMT	DTE 302 A	10	9	8	7	7.5	8.0	Tám	
212	1921618964	Nguyễn Văn	Ý	K19CSU-XDD	DTE 302 A	10	9	7	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
213	172328139	Trần Phương	Yên	K18KDN	DTE 302 A	10	9	9	9	7	8.5	Tám Phẩy Năm	
214	1920255543	Trần Thị	Yến	K19KKT	DTE 302 A	10	10	8	9	7	8.5	Tám Phẩy Năm	
215	1920265685	Nguyễn Thái Hải	Yến	K19KDN	DTE 302 A	10	10	8	8	7	8.3	Tám Phẩy Ba	
216	1920267986	Nguyễn Thị Thúy	An	K19KKT	DTE 302 C	10	9	8	7.5	8.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
217	1821226518	Lê Thu Vân	Anh	K18QTM	DTE 302 C	10	8	6	8.5	8.5	8.0	Tám	
218	1910517556	Phan Thị Quỳnh	Anh	K19YCD	DTE 302 C	10	8	6	7.2	9	7.9	Bảy Phẩy Chín	
219	1920715928	Hoàng Xuân Ngọc	Ánh	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	7	6.8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
220	1910518635	Phan Ngọc Hải	Âu	K19YCD	DTE 302 C	10	8	7	8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
221	1910517552	Lương Nhật	Bảo	K19YCD	DTE 302 C	10	5	6	2	8	6.0	Sáu	
222	1921265599	Hồ Lễ	Bảo	K19KDN	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
223	1920716824	Lương Thị Ngọc	Bích	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	8	6	9	8.1	Tám Phẩy Một	
224	171216218	Nguyễn Thanh	Bình	K17XCD1	DTE 302 C	7.5	8	0	7	8.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	*98904*
225	1820225333	Võ Kim	Châu	K18QTM	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
226	1821214850	Bùi Quang	Chung	K18QTH	DTE 302 C	10	8	8	6	9	8.1	Tám Phẩy Một	
227	1910517596	Võ Thị	Chung	K19YCD	DTE 302 C	7.5	8	0	7.5	8.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
228	1911117155	Nguyễn Thành	Công	K19CMU-TCD	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
229	1921419089	Đặng Sỹ	Công	K19KTR	DTE 302 C	7.5	0	5	5.8	8	5.3	Năm Phẩy Ba	
230	1910517554	Ngô Thị Kiều	Diễm	K19YCD	DTE 302 C	10	9	5	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
231	1920259624	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	K19KKT	DTE 302 C	10	10	6	6	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
232	1921418922	Bùi Gia	Định	K19KTR	DTE 302 C	7.5	0	7	7.2	7.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
233	1920329835	Phan Thị Mỹ	Dung	K19NAD	DTE 302 C	7.5	0	7.5	8	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
234	1911517530	Trần Đình	Dũng	K19YCD	DTE 302 C	5	0	0	4	7.5	0.0	Không	
235	1910717304	Mai Thị Thùy	Dương	K19PSU-DCD	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	
236	1921715847	Nguyễn Văn	Dương	K19QTC	DTE 302 C	10	8	6	5	8.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
237	1910517585	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	K19YCD	DTE 302 C	10	9	7	6.5	8.5	8.0	Tám	
238	1920219270	Trần Đặng Mỹ	Duyên	K19QTH	DTE 302 C	10	8	6	9	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
239	1920311879	Trương Thị Mỹ	Duyên	K19NAB	DTE 302 C	10	10	9	8	9.5	9.3	Chín Phẩy Ba	
240	1920721944	Võ Thị Mỹ	Duyên	K19DLL	DTE 302 C	10	8	8	8	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
241	1910511357	Trần Thị Thùy	Giang	K19YCD	DTE 302 C	10	8	6	4	8.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
242	1910717210	Nguyễn Thị Thu	Hà	K19DCD	DTE 302 C	7.5	0	7	6	9	6.1	Sáu Phẩy Một	
243	1920514173	Võ Thị Ngọc	Hà	K19KKT	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
244	1920718896	Phan Thu	Hà	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	7	8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
245	1921726079	Nguyễn Văn	Hạ	K19DLL	DTE 302 C	10	6	6	8.5	9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
246	162627119	Phan Thanh	Hải	K16NAD1	DTE 302 C	10	8	9	7	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	*97347*
247	1910510952	Nguyễn Thị Thu	Hằng	K19YCD	DTE 302 C	10	9	7	6.8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
248	1910518634	Hà Thị Thúy	Hằng	K19YCD	DTE 302 C	10	5	5	4	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
249	1920255483	Phạm Thị Minh	Hằng	K19KKT	DTE 302 C	10	8	5	9	9	8.1	Tám Phẩy Một	
250	1920258829	Trịnh Thị Thu	Hằng	K19KKT	DTE 302 C	10	8	6	8.5	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
251	1920319840	Trương Phan Thu	Hằng	K19NAB	DTE 302 C	10	9	9	9	9.5	9.3	Chín Phẩy Ba	
252	1920715795	Phan Thị Thu	Hằng	K19DLK	DTE 302 C	10	9	6	6	9	7.9	Bảy Phẩy Chín	
253	1910517547	Đinh Thị Nhật	Hạnh	K19YCD	DTE 302 C	10	9	6	6.2	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
254	1910517553	Lê Thị Hồng	Hạnh	K19YCD	DTE 302 C	10	9	7	7.3	9	8.4	Tám Phẩy Bốn	
255	1920320829	Trần Thị Mỹ	Hạnh	K19NAD	DTE 302 C	10	10	6	7	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
256	1920715796	Trần Thị Mỹ	Hạnh	K19DLK	DTE 302 C	7.5	8	0	8.5	9	6.8	Sáu Phẩy Tám	
257	1910718903	Huỳnh Thị Ngọc	Hiền	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	7	6	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
258	1920255547	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K19KKT	DTE 302 C	10	10	7	8	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
259	1921711854	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	9	7.4	8.5	8.5	Tám Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
260	1921715743	Nguyễn Ngô	Hiền	K19PSU-DLK	DTE 302 C	5	5	0	0	8.5	0.0	Không	
261	1921729749	Nguyễn Minh	Hiển	K19DLL	DTE 302 C	10	9	7	9	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
262	1920715698	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	K19DLK	DTE 302 C	10	8	7	8	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
263	1821615181	Trần Văn	Hòa	K18XDD	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
264	1921319531	Lê Vũ	Hoàn	K19NAB	DTE 302 C	10	9	7	5.5	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
265	1821414753	Lê Phi	Hoàng	K18KTR	DTE 302 C	10	8	9	5.5	8.5	8.0	Tám	
266	1821415837	Lê Thái	Hoàng	K18KTR	DTE 302 C	10	5	8	6.5	8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
267	1921215152	Bùi Vĩnh	Hoàng	K19QTH	DTE 302 C	10	9	7	8	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
268	1921328911	Nguyễn Đăng	Hoàng	K19NAD	DTE 302 C	10	9	7.5	5.5	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
269	1921715874	Lê Võ Huy	Hoàng	K19DLK	DTE 302 C	10	8	6	6	8.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
270	1911512377	Bùi Quốc	Hội	K19YCD	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	
271	1920320930	Huỳnh Thị Thanh	Hồng	K19NAD	DTE 302 C	10	10	7	8	8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
272	1920715714	Lê Thị Mỹ	Hồng	K19DLK	DTE 302 C	10	8	8	7	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
273	172339034	Hồ Văn	Hùng	K18QTH	DTE 302 C	10	9	7	5.5	9	8.0	Tám	
274	1821413556	Võ Đình	Hùng	K18KTN	DTE 302 C	7.5	0	8	4	8	5.5	Năm Phẩy Năm	
275	1911717325	Huỳnh Công	Hùng	K19PSU-DCD	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	
276	1921269947	Nguyễn Mạnh	Hùng	K19KDN	DTE 302 C	10	8	6.5	5.5	9	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
277	172336854	Văn Bá	Hưng	K18QTH	DTE 302 C	5	0	0	6	8.5	4.3	Bốn Phẩy Ba	
278	1910517483	Trình Thị Quỳnh	Hương	K19YCD	DTE 302 C	10	10	6	6	9	8.1	Tám Phẩy Một	
279	1911517570	Nguyễn Thị	Hương	K19YCD	DTE 302 C	10	8	6	4	8	7.0	Bảy	
280	1920255591	Ngô Thị Thu	Hương	K19KKT	DTE 302 C	10	9	9	8.4	8.5	8.8	Tám Phẩy Tám	
281	1920715836	Lê Thị Thu	Hương	K19PSU-DLK	DTE 302 C	7.5	0	7	6.5	8.5	6.0	Sáu	
282	171575531	Hoàng Minh	Hướng	K17QCD5	DTE 302 C	10	6	7	5	8	7.0	Bảy	
283	1910517576	Lê Thị Dương	Hướng	K19YCD	DTE 302 C	10	9	5	5.5	8.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
284	1811713761	Võ Nhật	Huy	K18PSU-DCD	DTE 302 C	7.5	6	5	0	7	5.1	Năm Phẩy Một	
285	1910517504	Trần Thị Ánh	Huyền	K19YCD	DTE 302 C	10	10	8	7.3	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
286	1910517572	Nguyễn Thị	Huyền	K19YCD	DTE 302 C	10	9	8	7	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
287	1910518097	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K19YCD	DTE 302 C	10	10	7	7	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
288	1910519894	Trần Thị	Huyền	K19YCD	DTE 302 C	10	9	6	7	9	8.1	Tám Phẩy Một	
289	1921613340	Trần Đình Quốc	Khánh	K19XDD	DTE 302 C	10	9	6	5	8.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
290	1921715816	Nguyễn Quang	Khánh	K19DLK	DTE 302 C	10	9	6	7	9	8.1	Tám Phẩy Một	
291	1921418954	Đoàn Văn	Khôi	K19CSU-KTR	DTE 302 C	10	9	9	8.5	8.5	8.8	Tám Phẩy Tám	
292	172416897	Nguyễn Bảo	Khuyên	K17PSU-DLK	DTE 302 C	10	10	7.5	8	9	8.8	Tám Phẩy Tám	
293	1821214233	Mai Anh Tuấn	Kiệt	K18QTH	DTE 302 C	10	9	7	8	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
294	1921416551	Nguyễn Xuân Anh	Kiệt	K19CSU-KTR	DTE 302 C	2.5	0	0	0	8.5	0.0	Không	
295	1920255567	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	K19KKT	DTE 302 C	10	8	8	8	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
296	1920258464	Nguyễn Thị	Lê	K19KDN	DTE 302 C	10	8	6	7	9	7.9	Bảy Phẩy Chín	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
297	1910627692	Phan Thị Thanh	Lệ	K19DCD	DTE 302 C	10	8	7	6.5	9	8.0	Tám	
298	1920715984	Lê Thị	Liên	K19DLK	DTE 302 C	10	8	7	6	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
299	1910237747	Nguyễn Thùy	Linh	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	7	9	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
300	1910317644	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	6	6	8.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
301	1910517571	Võ Thị Ngọc	Linh	K19YCD	DTE 302 C	10	9	7	6	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
302	1910718078	Nguyễn Thị Từ	Linh	K19PSU-DCD	DTE 302 C	5	0	0	5.5	8	0.0	Không	
303	1920216610	Chu Khánh	Linh	K19QTM	DTE 302 C	7.5	0	6	8	8	6.0	Sáu	
304	1920219477	Văn Tường	Linh	K19QTH	DTE 302 C	10	8	9	6.5	8.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
305	1920255549	Đỗ Thị Thùy	Linh	K19KKT	DTE 302 C	10	9	7	8.4	8.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
306	1920326392	Phạm Lê Ngọc	Linh	K19NAD	DTE 302 C	10	8	7	7.5	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
307	1921265615	Trần Lê Mỹ	Linh	K19KDN	DTE 302 C	10	9	7	8	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
308	1921123174	Đinh Văn	Long	K19TPM	DTE 302 C	10	8	5	6	8.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
309	1921729598	Trần Phước	Luân	K19DLL	DTE 302 C	10	6	8	7	9	7.9	Bảy Phẩy Chín	
310	1820715899	Nguyễn Thị	Ly	K19DLK	DTE 302 C	10	8	5	7	9	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
311	1910519447	Nguyễn Thị Khánh	Ly	K19YCD	DTE 302 C	7.5	9	0	7	9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
312	1920316259	Thân Thị Quí	Ly	K19NAB	DTE 302 C	10	9	7	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
313	1920255465	Võ Thị Minh	Lý	K19KKT	DTE 302 C	10	8	5	5.5	8	7.1	Bảy Phẩy Một	
314	1910517565	Lê Thị Ngọc	Mai	K19YCD	DTE 302 C	10	9	5	6.5	9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
315	1910519284	Hoàng Thị Tuyết	Mai	K19YCD	DTE 302 C	10	9	7	8	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
316	1821616002	Lê Anh	Minh	K18XDD	DTE 302 C	10	5	6	6	9	7.1	Bảy Phẩy Một	
317	1911719126	Nguyễn Nhật	Minh	K19PSU-DCD	DTE 302 C	7.5	9	0	7.5	8	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
318	172416898	Phạm Thị Thùy	My	K17PSU-DLK	DTE 302 C	10	10	7.5	9	9	9.0	Chín	
319	1910717322	Nguyễn Tôn Nữ Hồng	My	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	9	5	8.5	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
320	1920257979	Nguyễn Thị Trà	My	K19KKT	DTE 302 C	10	10	7.5	7	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
321	1920326353	Lê Hoàng Tểu	My	K19NAD	DTE 302 C	10	10	5	7.5	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
322	1910511824	Nguyễn Thị Mỹ	Na	K19YCD	DTE 302 C	7.5	8	0	4.5	8	5.6	Năm Phẩy Sáu	
323	1910518624	Nguyễn Thị	Na	K19YCD	DTE 302 C	10	9	6	7.5	8.5	8.0	Tám	
324	1820223629	Lê Thị	Nga	K18QTM	DTE 302 C	10	9	7	8.5	9.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
325	1910519701	Cao Thị	Nga	K19YCD	DTE 302 C	7.5	10	0	5	8.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
326	1920218436	Lê Thị Hồng	Nga	K19QTH	DTE 302 C	10	8	8	9	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
327	1920259523	Hoàng Thị	Ngân	K19KKT	DTE 302 C	10	10	6	7	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
328	1910519586	Lê Thị	Nghi	K19YCD	DTE 302 C	7.5	0	8	5	8	5.8	Năm Phẩy Tám	
329	171195435	Trần Hữu	Nghĩa	K17ACD	DTE 302 C	2.5	0	0	0	8.5	0.0	Không	
330	1921726057	Vương Chính	Nghĩa	K19DLL	DTE 302 C	10	9	7	8	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
331	1821413562	Phạm Trương Như	Ngọc	K18CSU-KTR	DTE 302 C	10	10	9	9	8	9.0	Chín	
332	1910517580	Hà Thị	Ngọc	K19YCD	DTE 302 C	10	8	6	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
333	1910518972	Đặng Thị Minh	Ngọc	K19YCD	DTE 302 C	10	9	8	7	9	8.5	Tám Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
334	1921126441	Trần Khánh	Nguyên	K19CMU-TPM	DTE 302 C	10	8	7	6.5	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
335	1920268497	Trần Thị	Nguyệt	K19KDN	DTE 302 C	10	9	7	8	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
336	1820253681	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	K18PSU-KKT	DTE 302 C	10	8	7	8	8	8.0	Tám	
337	1920265645	Mai Thị Thanh	Nhàn	K19KDN	DTE 302 C	10	10	7	7.4	8.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
338	1921123178	Trà Văn	Nhân	K19CMU-TPM	DTE 302 C	10	8	6	6	9	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
339	1921249924	Trần Cảnh	Nhật	K19QNH	DTE 302 C	7.5	8	5	0	8	5.8	Năm Phẩy Tám	
340	1920328555	Đinh Thị	Nhi	K19DLK	DTE 302 C	10	8	9	8	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
341	1910510978	Bùi Thị Thùy	Như	K19YCD	DTE 302 C	10	10	8	6	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
342	1910518625	Trương Thị Quỳnh	Như	K19YCD	DTE 302 C	10	8	6	5.6	8.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
343	1920318938	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	K19NAB	DTE 302 C	10	8	7	7	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
344	1910517431	Vương Thị Thùy	Nhung	K19YCD	DTE 302 C	10	8	5	4.5	9	7.2	Bảy Phẩy Hai	
345	1921715887	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	K19NAB	DTE 302 C	10	9	7	8	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
346	1910518640	Lê Thị Kiều	Oanh	K19YCD	DTE 302 C	10	8	7	7.8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
347	1911512613	Lê Bá Tấn	Phát	K19YCD	DTE 302 C	2.5	0	0	4.5	0	0.0	Không	
348	1821216051	Lê Văn	Phong	K18QTH	DTE 302 C	10	8	8	4	7.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
349	1821413837	Nguyễn Bình Kim	Phong	K18KTR	DTE 302 C	10	8	9	8	8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
350	1911627695	Trần Ngọc	Phong	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	7	9	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
351	1910517507	Nguyễn Thị	Phú	K19YCD	DTE 302 C	10	6	7	6.5	9	7.6	BảyPhẩy Sáu	
352	1820216435	Trần Thị	Phúc	K18QTH	DTE 302 C	10	9	6	9.5	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
353	1910212475	Bùi Thị Thu	Phương	K19YCD	DTE 302 C	10	8	7	7	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
354	1920316256	Võ Hoài	Phương	K19NAB	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
355	1920326362	Nguyễn Thị Thu	Phương	K19NAD	DTE 302 C	10	9	8	8	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
356	1920715956	Khiếu Thu	Phương	K19NAB	DTE 302 C	10	8	8.5	9	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
357	1920721328	Phan Thị	Phương	K19DLL	DTE 302 C	10	8	7	6	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
358	1921269049	Nguyễn Hồ Minh	Phương	K19KDN	DTE 302 C	10	8	8	7	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
359	1910517592	Đinh Thị	Phượng	K19YCD	DTE 302 C	10	5	8	7	8	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
360	1910717204	Nguyễn Lan	Phượng	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	8	8	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
361	1921716774	Nguyễn Thế Minh	Quân	K19PSU-DLK	DTE 302 C	5	5	0	0	8	0.0	Không	
362	1821413838	Trần Xuân	Quang	K18KTR	DTE 302 C	10	8	9	8	8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
363	1821414763	Trần Ngọc Nhật	Quang	K18KTR	DTE 302 C	10	5	8	7	8.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
364	1921423691	Phan Nguyễn Nhật	Quang	K19CSU-KTR	DTE 302 C	10	9	9	7	8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
365	1921715726	Châu Nguyên	Quang	K19PSU-QTH	DTE 302 C	10	8	9	7	8.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
366	1911718076	Nguyễn Hữu	Quốc	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	7	6.5	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
367	1821214220	Nguyễn Trọng	Quý	K18QTH	DTE 302 C	10	10	8	8	7.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
368	1820214219	Lê Nữ Lệ	Quyên	K18QTH	DTE 302 C	10	8	6	7	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
369	1821614012	Hồ Thành	Quyết	K18XDD	DTE 302 C	10	6	9	6.5	9	8.0	Tám	
370	1921648823	Nguyễn Văn	Sơn	K19KMQ	DTE 302 C	10	8	9	8	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
371	1910717274	Nguyễn Thị Ngàn	Sương	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	5	5.5	8.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
372	1920715995	Lê Thị Thu	Sương	K19DLK	DTE 302 C	10	8	7	7	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
373	1910719959	Ngô Thị Tố	Tâm	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	5	7	8.5	8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
374	1920215051	Lương Thanh	Tâm	K19QTH	DTE 302 C	10	10	6	9.5	8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
375	1920268864	Lê Thị Thanh	Tâm	K19KDN	DTE 302 C	10	9	7.5	9	8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
376	1920320946	Phan Thị Minh	Tâm	K19NAB	DTE 302 C	10	8	9	9	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
377	1921726045	Võ Ngọc	Tâm	K19DLL	DTE 302 C	10	9	9	9	8.5	8.9	Tám Phẩy Chín	
378	1921726060	Đặng Văn	Thái	K19DLL	DTE 302 C	10	8	7	7	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
379	1920719107	Nguyễn Thị	Thấn	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	7	7	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
380	172216553	Võ Quốc	Thành	K17CSU-XDD	DTE 302 C	7.5	5	0	6	7	5.1	Năm Phẩy Một	
381	1821615639	Nguyễn Tiến	Thành	K18XDD	DTE 302 C	10	5	6	7.5	8	7.1	Bảy Phẩy Một	
382	1921215191	Lê Tiến	Thành	K19QTH	DTE 302 C	10	6	7	5.5	8	7.1	Bảy Phẩy Một	
383	1921617847	Huỳnh Tấn	Thành	K19XDD	DTE 302 C	10	8	6.5	8	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
384	168212045	Lê Phi	Thạnh	T17XDDB	DTE 302 C	10	8	8	6	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	*97602*
385	1820214214	Trần Thị Phương	Thảo	K18QTH	DTE 302 C	10	8	7	8	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
386	1820254355	Nguyễn Thị	Thảo	K18PSU-KKT	DTE 302 C	10	8	7	8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
387	1910517494	Phạm Thị Phương	Thảo	K19YCD	DTE 302 C	10	9	5	8	9	8.1	Tám Phẩy Một	
388	1910518809	Võ Thị Phương	Thảo	K19YCD	DTE 302 C	10	9	6.5	6	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
389	1920255565	Trần Thị	Thảo	K19KKT	DTE 302 C	10	9	7	6.6	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
390	1920715773	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K19PSU-DLK	DTE 302 C	7.5	5	0	8	8.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
391	1920716825	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	7	8	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
392	1920720957	Hoàng Thị	Thảo	K19KDN	DTE 302 C	10	10	6	7	8	8.0	Tám	
393	1821414774	Đỗ Từ	Thiện	K18KTR	DTE 302 C	10	9	9	9	9	9.1	Chín Phẩy Một	
394	1910518098	Trần Thị Lệ	Thu	K19YCD	DTE 302 C	10	8	5	2	8	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
395	1910718602	Nguyễn Đăng Hoài	Thư	K19PSU-DCD	DTE 302 C	7.5	0	9	6	9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
396	1910718916	Trương Thị Anh	Thư	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	7	6.5	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
397	1921259743	Nguyễn Lê	Thuần	K19KKT	DTE 302 C	7.5	6	0	6	8.5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
398	1910512328	Phan Thị	Thuận	K19YCD	DTE 302 C	10	9	5	8	9	8.1	Tám Phẩy Một	
399	1910517482	Bùi Thị	Thuận	K19YCD	DTE 302 C	10	9	7	7	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
400	1820254347	Phạm Thị	Thương	K18KKT	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
401	1920715900	Cao Thị	Thương	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	9	7	6.5	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
402	1920715974	Nguyễn Thị	Thương	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	5	5.2	8.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
403	1910717311	Trần Thị Thanh	Thủy	K19DCD	DTE 302 C	10	9	7.5	8	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
404	1921329775	Nguyễn Văn	Tiến	K19NAD	DTE 302 C	10	8	7	6	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
405	1921524615	Phan Quang	Tiến	K19TPM	DTE 302 C	7.5	8	0	6.5	7.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
406	1921215024	Nguyễn Chí	Tịnh	K19QTH	DTE 302 C	10	6	5	6	7.5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
407	152232965	Trịnh Ngọc Huy	Toàn	K17KTR	DTE 302 C	5	0	0	7.5	9	4.7	Bốn Phẩy Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
408	1820245879	Hoàng Thị Bích	Trâm	K18PSU-QNH	DTE 302 C	10	10	6	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
409	1910517573	Phạm Thị Tuyết	Trâm	K19YCD	DTE 302 C	10	9	6	5	8.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
410	1910717258	Trần Thị Thùy	Trâm	K19PSU-DCD	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
411	1920258725	Đinh Thị Phương	Trâm	K19KDN	DTE 302 C	10	9	7	9.5	8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
412	1920326337	Dương Thị	Trâm	K19NAD	DTE 302 C	10	10	7	8	9.5	8.8	Tám Phẩy Tám	
413	1920715993	Lê Nguyễn Khánh	Trâm	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	8	7	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
414	1910512388	Phạm Thị Thùy	Trang	K19YCD	DTE 302 C	10	8	6	6.5	9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
415	1910517418	Doãn Thị	Trang	K19YCD	DTE 302 C	7.5	5	0	6	8.5	5.5	Năm Phẩy Năm	
416	1910517560	Lê Thị Huyền	Trang	K19YCD	DTE 302 C	10	10	7	7	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
417	1910717165	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	9	8	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
418	1920216654	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K19DLK	DTE 302 C	5	0	0	7	8	4.3	Bốn Phẩy Ba	
419	1920312449	Lê Thị Xuân	Trang	K19NAB	DTE 302 C	10	9	9	8.6	8.5	8.8	Tám Phẩy Tám	
420	1920715940	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	8	7	8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
421	1820215695	Hồ Thị Linh	Tri	K18QTH	DTE 302 C	10	9	7	9	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
422	1921715951	Trương Văn Hải	Triều	K19DLK	DTE 302 C	10	8	8	6.8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
423	1910711372	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	K19PSU-DCD	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	
424	1920235339	Thái Thị Bảo	Trinh	K19KDN	DTE 302 C	10	8	5	4	8.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
425	1920265694	Dương Phương	Trinh	K19KDN	DTE 302 C	10	8	5	7	7.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
426	1920316317	Nguyễn Xuân	Trinh	K19NAB	DTE 302 C	10	8	8	8.5	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
427	1920716839	Lê Hoàng Cẩm	Tú	K19DLL	DTE 302 C	7.5	8	7	0	8.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
428	1921265630	Trương Công	Tú	K19KDN	DTE 302 C	10	9	6.5	5.5	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
429	171135839	Nguyễn Tấn	Tuấn	K18QCD	DTE 302 C	10	6	6.5	5.5	8	7.0	Bảy	
430	1821214216	Nguyễn Đình	Tuấn	K18QTH	DTE 302 C	10	8	7	8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
431	1911717285	Lê Quang	Tuấn	K19PSU-DCD	DTE 302 C	7.5	8	0	6	8	6.0	Sáu	
432	1921265664	Phạm Nhật	Tuấn	K19KDN	DTE 302 C	10	9	8	7.5	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
433	1921715819	Huỳnh Phạm Thanh	Tùng	K19DLK	DTE 302 C	7.5	0	7.5	6	9	6.2	Sáu Phẩy Hai	
434	1920216625	Lê Thị	Tươi	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	9	6	8	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
435	1821234883	Nguyễn Xa Hiền	Tường	K18QTM	DTE 302 C	10	6	8	6.5	8.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
436	1921118686	Nguyễn Anh	Tuyên	K19CMU-TMT	DTE 302 C	10	7	7	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
437	1910717313	Lưu Thị Kim	Tuyến	K19PSU-DCD	DTE 302 C	7.5	8	0	8	9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
438	1910717237	Phạm Thị Ánh	Tuyết	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	8	7	8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
439	1821414769	Nguyễn Tấn	Úc	K18KTR	DTE 302 C	10	8	9	8.5	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
440	1820235876	Nguyễn Ngọc	Uyên	K18QTC	DTE 302 C	0	0	0	0	0	0.0	Không	
441	1910717307	Trần Tố	Uyên	K19PSU-DCD	DTE 302 C	10	10	8	8	8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
442	1920257976	Trần Nguyễn Phương	Uyên	K19DLK	DTE 302 C	10	8	7	5.5	8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
443	1920268773	Đoàn Thị Cẩm	Uyên	K19KDN	DTE 302 C	10	9	6	7	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
444	1920715742	Phan Ngọc Thảo	Uyên	K19DLK	DTE 302 C	7.5	0	7.5	8.2	9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
445	1920716728	Lê Thị Hoàng	Uyên	K19PSU-DLK	DTE 302 C	10	9	7	9	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
446	1921316272	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	K19NAB	DTE 302 C	10	9	8	7.5	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
447	1920259782	Võ Thị	Vân	K19KKT	DTE 302 C	10	10	7	7.5	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
448	1920318535	Lê Phương Nhật	Vân	K19NAB	DTE 302 C	10	10	7	9	9	8.9	Tám Phẩy Chín	
449	1911517493	Lưu Nguyễn Đình	Văn	K19YCD	DTE 302 C	10	9	6.5	5	8.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
450	1920638208	Trần Thị Xuân	Viên	K19KMQ	DTE 302 C	10	8	7	8	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
451	172237515	Phan Thanh	Việt	K17KTR	DTE 302 C	10	9	7	5	9	7.9	Bảy Phẩy Chín	
452	1821415651	Lê Nguyên	Vũ	K18KTR	DTE 302 C	10	8	9	7	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
453	1910517534	Trần Thị Lê	Vy	K19YCD	DTE 302 C	10	8	9	8	8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
454	1910718603	Nguyễn Thị Tường	Vy	K19PSU-DCD	DTE 302 C	7.5	0	7	8.5	8.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
455	1920259247	Nguyễn Thị Trà	Vy	K19KDN	DTE 302 C	10	9	8	9	9	8.9	Tám Phẩy Chín	
456	1920726017	Lê Hữu Khánh	Vy	K19DLL	DTE 302 C	10	10	7	7.5	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
457	1820215317	Ngô Thị Minh	Xuân	K18QTH	DTE 302 C	10	9	7	8.5	8.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
458	1910517532	Huỳnh Thị Như	Ý	K19YCD	DTE 302 C	10	8	6	8	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
459	1820635261	Lê Thị Hải	Yến	K19KMT	DTE 302 C	5	9	0	0	9	5.0	Năm	
460	1910518803	Nguyễn Thị	Yến	K19YCD	DTE 302 C	10	8	5	4	8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
461	1910519385	Nguyễn Thị Kim	Yến	K19YCD	DTE 302 C	10	8	7	6.6	9	8.0	Tám	
462	1920269057	Trần Thị Hải	Yến	K19KDN	DTE 302 C	10	9	7	8	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
463	1920726068	Phạm Thị Ngọc	Yến	K19DLL	DTE 302 C	10	8	7	7	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
464	1920258463	Phạm Thị Thúy	An	K19PSU-KKT	DTE 302 E	10	8.5	8	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
465	1921433950	Lê Công Bình	An	K19KMQ	DTE 302 E	7.5	7	6.5	0	8	5.9	Năm Phẩy Chín	
466	1910217029	Võ Thị Lan	Anh	K19MCD	DTE 302 E	7.5	6.5	0	2	8	4.9	Bốn Phẩy Chín	
467	1821615170	Lê Minh	Ánh	K18XDD	DTE 302 E	7.5	5.5	5.5	7	0	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
468	1921215092	Trần Quốc	Bảo	K19KMT	DTE 302 E	10	8	6	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
469	162524131	Phạm Thị	Bích	K18QNH	DTE 302 E	10	7	8.2	7.5	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
470	1821316525	Nguyễn Văn	Biên	K18NAB	DTE 302 E	10	7.5	9.5	7.5	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
471	172227116	Nguyễn Thanh	Bình	K19TPM	DTE 302 E	10	8	8	7	8.5	8.1	Tám Phẩy Một	
472	1921173826	Nguyễn Nguyên	Bình	K19EĐT	DTE 302 E	5	6	0	0	8.5	4.3	Bốn Phẩy Ba	
473	1921619068	Nguyễn Như	Bôn	K19XDD	DTE 302 E	7.5	8.5	0	8.5	8.5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
474	172257341	Trần Văn	Chân	K17KMT	DTE 302 E	7.5	0	8	6.5	8	6.1	Sáu Phẩy Một	
475	1820526216	Nguyễn Thị Thanh	Châu	K18YDH	DTE 302 E	5	8	0	0	8	4.5	Bốn Phẩy Năm	
476	1821415236	Nguyễn Thanh	Chính	K18CSU-KTR	DTE 302 E	10	7	7	7	5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
477	1920316313	Nguyễn Thị	Chớ	K19NAB	DTE 302 E	7.5	8	0	7.5	9	6.5	Sáu Phẩy Năm	
478	172249023	Ngô Thành	Công	K17EVT	DTE 302 E	7.5	5.5	8	7	0	4.9	Bốn Phẩy Chín	
479	1821416202	Võ Đức	Cường	K18KTR	DTE 302 E	10	8	7	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
480	1921123316	Hoàng Đức	Cường	K19TPM	DTE 302 E	10	6	7	8	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
481	1921627853	Lê Văn	Cường	K19XDC	DTE 302 E	5	6	0	6.5	0	0.0	Không	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
482	1921634001	Lê Viết	Đăng	K19KMT	DTE 302 E	10	5.5	8	7	9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
483	1811114503	Phạm Văn	Đạt	K18QCD	DTE 302 E	7.5	7	0	7.5	6	5.4	Năm Phẩy Bốn	
484	1821415237	Nguyễn Thành	Đạt	K18CSU-KTR	DTE 302 E	10	7.5	7	7	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
485	1920613371	Nguyễn Thành	Đạt	K19CSU-XDD	DTE 302 E	10	5.5	7	7	8.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
486	1921251868	Phan Quốc	Đạt	K19KKT	DTE 302 E	10	8	5.5	6.5	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
487	1920637875	Đặng Thị Minh	Diễm	K19KMT	DTE 302 E	10	7	7	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
488	1920644925	Phan Thị Ngọc	Diễm	K19KMQ	DTE 302 E	10	7.5	7	8	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
489	1920717999	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	K19DLK	DTE 302 E	10	6.5	6.8	7.5	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
490	1920312556	Hồ Thị Mai	Diệp	K19NAB	DTE 302 E	10	7	6	6.5	7	7.0	Bảy	
491	1921613346	Hồ Đắc	Đình	K19CSU-XDD	DTE 302 E	10	8.5	6	7	9	8.0	Tám	
492	1921613440	Lương Sỹ	Đông	K19CSU-XDD	DTE 302 E	10	6	8	8	9	8.1	Tám Phẩy Một	
493	1911616901	Ngô Phước	Đức	K19QCD	DTE 302 E	7.5	6.5	0	6.5	9	6.1	Sáu Phẩy Một	
494	1920216647	Trần Thị Phương	Dung	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	6.5	7	7	9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
495	1921623520	Nguyễn Văn	Đường	K19XDC	DTE 302 E	10	7	8	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
496	1921173863	Huỳnh Công Bảo	Duy	K19XDD	DTE 302 E	10	6.5	8	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
497	1820243652	Đặng Kiều	Duyên	K18PSU-QNH	DTE 302 E	7.5	8.5	0	7.5	9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
498	1920241910	Võ Thanh Hoài	Duyên	K19PSU-QNH	DTE 302 E	10	9	9.5	7	9	8.8	Tám Phẩy Tám	
499	1820525302	Võ Thị Hà	Giang	K18YDH	DTE 302 E	10	7	8.4	7.5	8	8.0	Tám	
500	1920638197	Huỳnh Thị Như	Giao	K19KMQ	DTE 302 E	10	8.5	8	7.5	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
501	1920267988	Trần Thị Thu	Hà	K19KKT	DTE 302 E	10	8	7	8	8	8.0	Tám	
502	1821255723	Bùi Ngọc	Hải	K18PSU-KKT	DTE 302 E	7.5	5.5	0	6.5	9	5.9	Năm Phẩy Chín	
503	1821614023	Nguyễn Hồng	Hải	K18DLK	DTE 302 E	10	8.5	9.5	8	9	8.9	Tám Phẩy Chín	
504	1921338526	Lý Chấn	Hải	K19VBC	DTE 302 E	10	8	8	7.5	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
505	1921416566	Lê Văn	Hải	K19CSU-KTR	DTE 302 E	5	0	6	0	8	4.1	Bốn Phẩy Một	
506	1921418172	Huỳnh Ngọc	Hải	K19KTR	DTE 302 E	5	0	5	0	8	0.0	Không	
507	1920215210	Huỳnh Thị	Hân	K19QTH	DTE 302 E	10	8	9	8	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
508	171446678	Ngô Đăng Thanh	Hằng	K18PSU-DCD	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
509	1920518844	Trần Thị	Hạnh	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	8.5	8	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
510	1911627701	Nguyễn Văn	Hậu	K19MCD	DTE 302 E	7.5	5.5	0	6.5	5	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
511	1921216602	Lê Văn	Hậu	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	7.5	5.5	7	9	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
512	1910627669	Trần Thị Thúy	Hiền	K19MCD	DTE 302 E	7.5	7	0	7.5	6	5.4	Năm Phẩy Bốn	
513	1920320803	Nguyễn Thị Minh	Hiền	K19DLL	DTE 302 E	10	7	8.3	7.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
514	1920356208	Phạm Vũ Diệu	Hiền	K19PSU-DLK	DTE 302 E	7.5	7	0	8	9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
515	172217171	Đoàn	Hiếu	K17XDD	DTE 302 E	10	8	8	7.5	8	8.1	Tám Phẩy Một	
516	1821635673	Nguyễn Đình	Hiếu	K18KMT	DTE 302 E	10	7.5	7	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
517	1921216624	Bùi Xuân	Hiếu	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	7.5	7	6.5	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
518	1821414765	Phan Thanh	Hoàn	K18KTR	DTE 302 E	10	8	6.5	6.5	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
519	1820323919	Bùi Thị Kim	Hoàng	K18NAD	DTE 302 E	10	9	9	7	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
520	1821713702	Võ Minh	Hoàng	K18DLK	DTE 302 E	10	7.5	9	8	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
521	1820714386	Đặng Hoàng Việt	Hồng	K18DLK	DTE 302 E	10	7.5	8.5	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
522	1911629071	Lê Thị Kim	Huệ	K19MCD	DTE 302 E	7.5	5.5	0	3	8	4.9	Bốn Phẩy Chín	
523	1920215002	Trần Thị Thiện	Hương	K19QTH	DTE 302 E	10	8	7	7	9	8.1	Tám Phẩy Một	
524	1920715721	Hoàng Thị Lan	Hương	K19KMQ	DTE 302 E	10	9	9.5	7.5	9	8.9	Tám Phẩy Chín	
525	1920218901	Phan Thị Kim	Hường	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	8.5	8.5	7.5	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
526	1811226269	Nguyễn Nam Công	Huy	K18PSU-QCD	DTE 302 E	5	0	7	0	8	4.3	Bốn Phẩy Ba	
527	1821243650	Trần Công	Huy	K18PSU-QNH	DTE 302 E	7.5	8.5	0	7	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
528	1821416011	Nguyễn Đặng Quốc	Huy	K18KTR	DTE 302 E	10	7	4.5	7	8	7.1	Bảy Phẩy Một	
529	1921173821	Lê Duy Anh	Huy	K19EĐT	DTE 302 E	7.5	7	4	0	8	5.3	Năm Phẩy Ba	
530	1921255398	Phan Ngọc	Huy	K19KKT	DTE 302 E	10	8.5	8	7	8.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
531	1921256703	Hà Đoàn Quốc	Huy	K19PSU-KKT	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	
532	1820715402	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	K18DLK	DTE 302 E	10	8	8.8	7	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
533	1821634805	Hà Học	Khải	K18KMT	DTE 302 E	10	8	8.5	7.5	5	7.3	Bảy Phẩy Ba	
534	1921616521	Tô Văn	Khải	K19CSU-XDD	DTE 302 E	10	5.5	5.5	6.5	9	7.2	Bảy Phẩy Hai	
535	1920336158	Hồ Nguyễn Việt	Khanh	K19VBC	DTE 302 E	10	7.5	9	7	8	8.1	Tám Phẩy Một	
536	1811614999	Hoàng Quốc	Khánh	K18XCD	DTE 302 E	7.5	5.5	0	7	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
537	1921715912	Hoàng Duy	Khánh	K19DLK	DTE 302 E	10	7.5	8	7.5	8	8.0	Tám	
538	172227088	Võ Anh	Khoa	K17XDC	DTE 302 E	2.5	0	0	7	0	0.0	Không	
539	1821164148	Trần Hữu	Khỏe	K18EVT	DTE 302 E	10	8	6.5	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
540	1821163859	Ngô Hà Cẩm	Khương	K18EVT	DTE 302 E	10	8	7.5	8	8.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
541	1921631871	Nguyễn Ngọc	Khuyến	K19KMT	DTE 302 E	10	8.5	7.5	6	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
542	1921248704	Nguyễn Phan Anh	Kiệt	K19PSU-QNH	DTE 302 E	10	8.5	6.5	6.5	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
543	1921621307	Nguyễn Anh	Kiệt	K19XDC	DTE 302 E	2.5	0	0	0	8	0.0	Không	
544	1820256737	Hoàng Thị	Kiều	K18KKT	DTE 302 E	10	7.5	6.2	7.5	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
545	1921255506	Dương Văn	Lâm	K19KKT	DTE 302 E	10	8.5	9	7	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
546	1921433923	Phạm Tùng	Lâm	K19AĐH	DTE 302 E	10	7	9	7.5	9	8.4	Tám Phẩy Bốn	
547	1910518643	Hồ Thị	Lành	K19MCD	DTE 302 E	7.5	8	0	7.5	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
548	1921116410	Trương Văn	Lành	K19TMT	DTE 302 E	10	7	6	7	7.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
549	172417668	Trương Khánh Ngọc	Linh	K18DLK	DTE 302 E	10	8	9	7.5	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
550	1820244902	Phan Thị Thùy	Linh	K18PSU-QNH	DTE 302 E	7.5	8.5	0	7	8.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
551	1910717327	Trần Ngọc	Linh	K19PSU-DCD	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	
552	1920255479	Phạm Mỹ	Linh	K19KKT	DTE 302 E	2.5	6.5	0	0	0	0.0	Không	
553	1920257969	Lê Phương	Linh	K19KKT	DTE 302 E	7.5	5.5	0	8	8	5.9	Năm Phẩy Chín	
554	1920332671	Dương Ngọc Ái	Linh	K19VBC	DTE 302 E	7.5	8.5	10	0	8	6.9	Sáu Phẩy Chín	
555	1921613349	Trần Nhật	Linh	K19TPM	DTE 302 E	7.5	7	0	7	8	6.0	Sáu	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
556	1821415231	Bùi Văn	Lưu	K18CSU-KTR	DTE 302 E	10	6.5	6.5	7.5	8.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
557	1921179913	Nguyễn Quang	Mẫn	K19EĐT	DTE 302 E	5	6.5	0	7	0	0.0	Không	
558	1921623525	Lê Hùng	Mạnh	K19XDC	DTE 302 E	5	0	2	0	5	0.0	Không	
559	1920265616	Phạm Thị Thanh	Minh	K19KDN	DTE 302 E	10	8	6.5	8	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
560	1921216609	Dương Quang	Minh	K19PSU-QTH	DTE 302 E	7.5	0	8	7	8.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
561	1921416533	Trương Nhật	Minh	K19CSU-KTR	DTE 302 E	2.5	5.5	0	0	0	0.0	Không	
562	1820714392	Nguyễn Ngọc Hoàng	My	K18DLK	DTE 302 E	10	7	8	8	8	8.0	Tám	
563	1920268707	Lê My	Na	K19QTH	DTE 302 E	5	5.5	0	0	8	0.0	Không	
564	172116437	Hoàng Kim	Nam	K17TTT	DTE 302 E	2.5	0	0	0	7	0.0	Không	*Nợ HP*
565	1821213621	Trần Nguyên	Nam	K18PSU-QTH	DTE 302 E	10	7	9	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
566	1921613325	Lê Hoà	Nam	K19XDD	DTE 302 E	10	6	5	7	8	7.0	Bảy	
567	1921619171	Bùi Hữu	Nam	K19XDC	DTE 302 E	10	8	7.8	7	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
568	1921627855	Nguyễn Hữu	Nam	K19XDC	DTE 302 E	2.5	0	0	0	8	0.0	Không	
569	1921715747	Nguyễn Trần Hà	Nam	K19DLK	DTE 302 E	5	6	0	0	8	4.1	Bốn Phẩy Một	
570	1920216642	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	9	9	8	9	8.9	Tám Phẩy Chín	
571	1920716758	Trương Thị Thúy	Nga	K19PSU-DLK	DTE 302 E	7.5	7	0	7.5	7.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
572	1820356554	Mai Thị Kim	Ngân	K18VQH	DTE 302 E	7.5	5.5	0	8	7	5.5	Năm Phẩy Năm	
573	1820523582	Châu Ngọc Mai	Ngân	K18YDH	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	
574	1820716339	Nguyễn Lê Kim	Ngân	K18DLK	DTE 302 E	10	8	9	8	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
575	172237444	Lê Bá	Nghĩa	K17KTR	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	
576	1921116402	Nguyễn Hữu	Nghĩa	K19CMU-TMT	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	
577	1921715933	Ngô Trọng	Nghĩa	K19PSU-DLK	DTE 302 E	7.5	8	0	7	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
578	1820325750	Phan Thị Như	Ngọc	K18NAD	DTE 302 E	10	9	6	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
579	1920336162	Nguyễn Phương	Ngọc	K19VBC	DTE 302 E	10	6.5	9	8	9	8.4	Tám Phẩy Bốn	
580	1820413539	Nguyễn Tạ Thảo	Nguyên	K18KTR	DTE 302 E	10	6	6	7.5	8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
581	1821415212	Trần Kiêm	Nguyên	K18KTR	DTE 302 E	10	6.5	6	7.5	9	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
582	1920219977	Lê Thị	Nguyên	K19TTT	DTE 302 E	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
583	1911117156	Dương Quốc	Nguyện	K19CMU-TCD	DTE 302 E	10	6.5	9	7	6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
584	172217228	Mai Trọng	Nhân	K17XDD	DTE 302 E	10	6	7.5	7	9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
585	1821416293	Nguyễn Thanh	Nhân	K18KTN	DTE 302 E	10	7.5	8	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
586	1921618138	Trương Trọng	Nhân	K19XDD	DTE 302 E	7.5	7.5	0	6.5	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
587	1921613466	Lê Trường	Nhất	K19XDD	DTE 302 E	10	6.5	7	7	8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
588	1821214241	Nguyễn Ngọc Quốc	Nhật	K18QTH	DTE 302 E	7.5	9	8	0	9	6.9	Sáu Phẩy Chín	
589	1921642634	Trương Công	Nhật	K19KMQ	DTE 302 E	10	7.5	6	6.5	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
590	1820414113	Phan Nguyễn Yến	Nhi	K18CSU-KTR	DTE 302 E	10	5.5	9	8	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
591	1820523602	Trương Thục	Nhi	K18YDH	DTE 302 E	10	8	10	8	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
592	1920215115	Nguyễn Yến	Nhi	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	7.5	8	7	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
593	1920318029	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	K19KKT	DTE 302 E	7.5	0	6	8	8	0.0	Không	*Nợ HP*
594	1820236666	Đặng Trần Anh	Như	K19DLK	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
595	1820425850	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K18CSU-KTR	DTE 302 E	10	8	8	7.5	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
596	1820716340	Lê Thị Thùy	Nhung	K18DLK	DTE 302 E	10	8	8.5	8	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
597	1920632462	Trần Thị Mỹ	Nương	K19KMT	DTE 302 E	10	6	8	7	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
598	1920161852	Đặng Quốc	Oai	K19EVT	DTE 302 E	10	5.5	9	7	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
599	1820244304	Trần Thị Quỳnh	Oanh	K18PSU-QNH	DTE 302 E	7.5	8	0	7	9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
600	1920319127	Nguyễn Hà	Oanh	K19NAB	DTE 302 E	7.5	0	8	7	9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
601	1921431826	Đoàn	Pháp	K19AĐH	DTE 302 E	10	8	8.5	7.5	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
602	172216547	Hà Tấn	Phát	K17XDC	DTE 302 E	10	5.5	8.5	8	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
603	1921439530	Nguyễn Đức	Phong	K19AĐH	DTE 302 E	10	7	7.5	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
604	1921528746	Đỗ Anh	Phong	K19YDH	DTE 302 E	7.5	7	9	7.5	0	5.4	Năm Phẩy Bốn	
605	1821123985	Phạm Quốc	Phú	K18TMT	DTE 302 E	10	7	6	7	8	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
606	1820716456	Mai Thị	Phúc	K18DLK	DTE 302 E	10	8	10	8	9	8.9	Tám Phẩy Chín	
607	1911216977	Nguyễn Hoàng	Phúc	K19TCD	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
608	1921215026	Giang Hồng	Phúc	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	7	6	8	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
609	1921623481	Nguyên Văn	Phúc	K19XDC	DTE 302 E	10	7	8	7	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
610	172236503	Nguyễn Văn Đại Phú	Phước	K19CSUKTR	DTE 302 E	10	7	8	7	5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
611	1910216935	Võ Thị Kiều	Phương	K19DCD	DTE 302 E	10	7	7	7	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
612	1920330976	Đặng Thị	Phương	K19VBC	DTE 302 E	10	9	10	7.5	8	8.7	Tám Phẩy Bảy	
613	1920332676	Phạm Thị Hoài	Phương	K19VBC	DTE 302 E	10	7.5	9	7.5	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
614	1920339974	Nguyễn Thị Thu	Phương	K19VBC	DTE 302 E	7.5	8.5	9	0	7	6.3	Sáu Phẩy Ba	
615	1921618152	Trần Ngọc	Phương	K19CSU-XDD	DTE 302 E	10	7.5	7	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
616	1921413644	Cao Văn	Quân	K19KTR	DTE 302 E	7.5	7.5	8	0	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
617	1821636031	Võ Đăng	Quang	K18KMT	DTE 302 E	10	8	6.7	7	5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
618	1821716341	Nguyễn Trần	Quang	K18DLK	DTE 302 E	10	7.5	8	8	9	8.4	Tám Phẩy Bốn	
619	1921216652	Phan Mạnh	Quang	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	8	8	7	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
620	1921716724	Lê Minh Nhật	Quang	K19PSU-DLK	DTE 302 E	7.5	0	7	6.5	9	6.2	Sáu Phẩy Hai	
621	152236462	Nguyễn	Quốc	K17KTR	DTE 302 E	2.5	0	0	7	0	0.0	Không	
622	1920524589	Phạm Thị Hoàng	Quý	K19YDH	DTE 302 E	7.5	6.5	0	7.5	9	6.2	Sáu Phẩy Hai	
623	1920251317	Nguyễn Phan Hoàng	Quyên	K19PSU-KKT	DTE 302 E	10	8	7	7	9	8.1	Tám Phẩy Một	
624	1920729082	Trần Thị Bảo	Quyên	K19DLL	DTE 302 E	7.5	7	0	8	6	5.5	Năm Phẩy Năm	
625	1920716730	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	K19PSU-DLK	DTE 302 E	10	5.5	8.5	8	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
626	1920326371	Nguyễn Thanh Thiên	Sa	K19NAD	DTE 302 E	10	8.5	8	7	8.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
627	1811614443	Đỗ Phạm Thanh	Sang	K19XCD	DTE 302 E	10	5.5	6	7	8	7.1	Bảy Phẩy Một	
628	1910717245	Nguyễn	Sang	K19DCD	DTE 302 E	10	7.5	9	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
629	1921633971	Bạch Văn	Sang	K19XDD	DTE 302 E	10	7	7	7.5	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
630	1920255462	Trần Thị	Son	K19KKT	DTE 302 E	10	8.5	7.5	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
631	1821123509	Nguyễn Đình	Tài	K18TPM	DTE 302 E	10	7	8	7	9	8.1	Tám Phẩy Một	
632	172217259	Lê Thanh	Tâm	K17XDD	DTE 302 E	10	9	9.5	7	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
633	1820415662	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	K18CSU-KTR	DTE 302 E	10	8	7.5	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
634	1921162572	Đinh Viết	Tâm	K19EVT	DTE 302 E	10	6	8.5	7.5	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
635	1921258469	Nguyễn Xuân	Tấn	K19KKT	DTE 302 E	10	9	8.5	8	9	8.8	Tám Phẩy Tán	
636	1921215194	Lê	Thắng	K19PSU-QTH	DTE 302 E	5	6	0	0	8	4.1	Bốn Phẩy Một	
637	1921617846	Nguyễn Hữu Anh	Thắng	K19CSU-XDD	DTE 302 E	10	8	7	6.5	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
638	1920215228	Trần Thị	Thanh	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	8	9	7	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
639	1920225276	Nguyễn Phương	Thanh	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	8.5	7	7	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
640	1920644917	Đoàn Thanh	Thanh	K19KMQ	DTE 302 E	10	9	9.5	7	9	8.8	Tám Phẩy Tán	
641	1920715972	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	K19PSU-DLK	DTE 302 E	10	7	7	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
642	1921123169	Phạm Minh	Thanh	K19DLK	DTE 302 E	10	7.5	7	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
643	1921613381	Ngô Lê Văn	Thanh	K19CSU-XDD	DTE 302 E	10	8	7	8	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
644	1921216635	Nguyễn Nhật	Thành	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	7	6.2	6.5	9	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
645	1921219582	Trần Công	Thành	K19PSU-QTH	DTE 302 E	7.5	0	7	6.5	9	6.2	Sáu Phẩy Hai	
646	1921633991	Tống Trung	Thành	K19KMT	DTE 302 E	10	7	8	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
647	1921634048	Võ Văn	Thành	K19KMT	DTE 302 E	7.5	0	6.5	7	8	5.9	Năm Phẩy Chín	
648	1921719010	Nguyễn Hữu Đức	Thành	K19PSU-DLK	DTE 302 E	5	0	0	6.5	9	4.5	Bốn Phẩy Năm	
649	1820716091	Lê Thu	Thảo	K18DLK	DTE 302 E	10	7.5	8.5	8	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
650	1820716459	Lê Thị Thu	Thảo	K18DLK	DTE 302 E	10	8.5	8	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
651	1821165255	Nguyễn Văn	Thảo	K18EVT	DTE 302 E	10	8	9	7	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
652	1920248049	Đinh Lê Phương	Thảo	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	8.5	8	7.5	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
653	1920321324	Lê Ái Phương	Thảo	K19DLL	DTE 302 E	10	8	10	8	9	8.9	Tám Phẩy Chín	
654	1920715765	Lê Nguyễn Đan	Thi	K19DLK	DTE 302 E	10	8	6	7.5	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
655	1921163754	Đặng Sĩ	Thiện	K19EVT	DTE 302 E	10	7	7	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
656	1821614034	Nguyễn Quý	Thọ	K18XDD	DTE 302 E	10	7	8	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
657	1921163738	Huỳnh Đức	Thọ	K19YDH	DTE 302 E	10	7.5	7	7	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
658	1921619654	Nguyễn Trần Hoàng	Thông	K19XDD	DTE 302 E	7.5	6.5	0	6.5	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
659	1921239675	Nguyễn Văn	Thuận	K19QTC	DTE 302 E	2.5	0	0	0	7.5	0.0	Không	
660	1921527909	Trần Văn	Thuận	K19YDH	DTE 302 E	10	8	7	7	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
661	1821163572	Trần Quốc	Thương	K18EVT	DTE 302 E	10	7	9	6.5	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
662	1920216580	Trần Thị Hoài	Thương	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	6	8	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
663	1820524822	Bùi Thị Thanh	Thúy	K18YDH	DTE 302 E	10	8	8.5	7.5	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
664	1920329878	Trần Thị	Thùy	K19NAD	DTE 302 E	10	8.5	8	7	9	8.4	Tám Phẩy Bốn	
665	1920219166	Phạm Thị	Thủy	K19KMQ	DTE 302 E	10	8	9	7	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
666	1920726104	Trang Thị Bích	Thủy	K19DLL	DTE 302 E	7.5	7	0	8	9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
667	172217294	Nguyễn Văn	Tiến	K19QTH	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
668	1921169527	Võ Minh	Tín	K19EVT	DTE 302 E	7.5	6	0	8	8	6.0	Sáu	
669	172237495	Đậu Khắc	Toàn	K17KTR	DTE 302 E	5	0	8	0	8	4.5	Bốn Phẩy Năm	
670	1821244311	Phan Thanh	Toàn	K18PSU-QNH	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	
671	1921113115	Lê	Toàn	K19TMT	DTE 302 E	10	7	7	8	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
672	1921216631	Lương Trọng	Toàn	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	7.5	7	7	9	8.0	Tám	
673	1921629610	Trần Vũ	Toàn	K19XDC	DTE 302 E	10	7	8	7	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
674	1921716779	Ngô Tấn	Toàn	K19PSU-DLK	DTE 302 E	7.5	0	7	7	5	5.1	Năm Phẩy Một	
675	1920268487	Nguyễn Trần Phương	Trâm	K19KDN	DTE 302 E	10	7	8	8	8	8.0	Tám	
676	1920644931	Bùi Thị Anh	Trâm	K19KMQ	DTE 302 E	10	8.5	9	7.5	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
677	172617023	Hoàng Thị Thùy	Trang	K17NAB	DTE 302 E	7.5	7.5	7	0	7	0.0	Không	*Nợ HP*
678	1920255530	Nguyễn Quỳnh	Trang	K19QTH	DTE 302 E	5	8.5	0	0	9	4.9	Bốn Phẩy Chín	
679	172227076	Lê Minh	Trí	K17XDC	DTE 302 E	10	7	8	8	8	8.0	Tám	
680	1911717321	Nguyễn Minh	Trí	K19PSU-DCD	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	
681	1921524774	Lê Văn Quang	Trí	K19YDH	DTE 302 E	7.5	8.5	0	7	7	6.0	Sáu	
682	1920255517	Võ Hoài	Trinh	K19PSU-KKT	DTE 302 E	10	9	5.5	8	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
683	1921149802	Tô Văn	Trực	K19TTT	DTE 302 E	2.5	0	0	0	7.5	0.0	Không	
684	1921113103	Lương Trọng	Trung	K19TMT	DTE 302 E	7.5	7.5	0	8	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
685	1810215468	Nguyễn Thị Thanh	Tú	K19KDN	DTE 302 E	10	8	6.8	7.5	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
686	1920215180	Nguyễn Thị Tú	Tú	K19QTH	DTE 302 E	10	8.5	8	7.5	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
687	1921616519	Trần Quang	Tú	K19CSU-XDD	DTE 302 E	10	7.5	7	8	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
688	1821526038	Nguyễn Văn	Tứ	K18YDH	DTE 302 E	10	6	6	7.5	8.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
689	1821414139	Nguyễn Thanh	Tuấn	K18CSU-KTR	DTE 302 E	7.5	7.5	0	7	7	5.8	Năm Phẩy Tám	
690	1921618931	Phan Công	Tuấn	K19XDD	DTE 302 E	10	7	6	6.5	8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
691	1921649040	Ngô Đình Nhật	Tuấn	K19KMQ	DTE 302 E	10	7	8	6.5	9	8.0	Tám	
692	1920255448	Phan Thị Thục	Uyên	K19KKT	DTE 302 E	10	8	8	7	9	8.3	Tám Phẩy Ba	
693	1920719721	Lê Ngô Tố	Uyên	K19PSU-QTH	DTE 302 E	10	8.5	9.5	7.5	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
694	1821414100	Nguyễn Quang	Viễn	K18KTR	DTE 302 E	10	7.5	5.5	8	8.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
695	1921216644	Phạm Đỗ Quốc	Việt	K19PSU-QTH	DTE 302 E	5	0	0	7	8.5	4.5	Bốn Phẩy Năm	
696	1921620955	Cao Văn	Việt	K19XDC	DTE 302 E	7.5	0	6	8	8	6.0	Sáu	
697	1821415199	Huỳnh Thanh	Vũ	K18KTR	DTE 302 E	10	8	7	7.5	8.5	8.0	Tám	
698	1821714384	Nguyễn Tấn	Vũ	K18DLK	DTE 302 E	10	7	7	7.5	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
699	1820526624	Lê Ngọc	Vy	K18YDH	DTE 302 E	10	9	7	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
700	1920251301	Hồ Thị Tường	Vy	K19KKT	DTE 302 E	10	8	9	8	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
701	1920633973	Lưu Thị Lê	Vy	K19KMT	DTE 302 E	10	8.5	7.5	7	8	8.0	Tám	
702	1920644914	Huỳnh Trúc	Vy	K19KMQ	DTE 302 E	10	8.5	5.5	7	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
703	1920715811	Nguyễn Thảo	Vy	K19DLK	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
704	1821413548	Phan Minh Triệu	Vỹ	K18CSU-KTR	DTE 302 E	10	6.5	7	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
705	1910317647	Nguyễn Nguyện Như	Ý	K19NCD	DTE 302 E	0	0	0	0	0	0.0	Không	
706	1920318545	Lương Thị Hoài	Yến	K19NAB	DTE 302 E	5	0	8	0	8.5	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
707	1821244286	Ngô Hữu Khánh	An	K18QNH	DTE 302 G	10	7	9	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
708	1920716727	Phan Đình Hoài	An	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8	8	9	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
709	1920262573	Phan Ngọc	Anh	K19KDN	DTE 302 G	2.5	0	6	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
710	1920715867	Phan Kim	Anh	K19DLK	DTE 302 G	7.5	7.5	0	8	7	6.0	Sáu	
711	172217134	Dương Thế	Bảo	K17XDD	DTE 302 G	10	5	7	7	7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
712	1921719742	Nguyễn Thế	Bảo	K19PSU-DLK	DTE 302 G	7.5	7.5	5	0	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
713	1820246066	Trần Thị Ngọc	Bích	K18QNH	DTE 302 G	7.5	6	5	0	9	5.6	Năm Phẩy Sáu	
714	162233448	Phan Kim	Châu	K17KTR	DTE 302 G	2.5	0	7.5	0	0	0.0	Không	
715	172348310	Thái Ngọc	Châu	K19QTC	DTE 302 G	7.5	0	7	7	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
716	1920716819	Hà Thị Minh	Châu	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	7	8	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
717	1920255559	Văn Thị Kim	Chi	K19KKT	DTE 302 G	10	6.5	7	9	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
718	1920721990	Nguyễn Thị Anh	Chinh	K19PSU-DLK	DTE 302 G	7.5	0	8.5	9	7	6.3	Sáu Phẩy Ba	
719	1920265596	Trần Minh Vân	Đan	K19QTC	DTE 302 G	7.5	5	6	9	0	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
720	1910317615	Nguyễn Thị Anh	Đào	K19NCD	DTE 302 G	7.5	6	8	0	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
721	172217147	Lê Mậu	Đạt	K17XDD	DTE 302 G	10	5	9	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
722	1921113127	Nguyễn Thành	Đạt	K19TMT	DTE 302 G	10	5	4.5	8	7	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
723	1920260729	Huỳnh Thị	Diễm	K19KDN	DTE 302 G	10	7	7	8	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
724	1920225296	Phạm Thị Ngọc	Diệu	K19PSU-QTH	DTE 302 G	7.5	0	7	8	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
725	1821614032	Nguyễn Văn	Đình	K18XDD	DTE 302 G	10	5	5	7	7	6.5	Sáu Phẩy Năm	
726	172237380	Trần Trung	Đức	K17KTR	DTE 302 G	7.5	7	8	0	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
727	1920256704	Lê Thị Thảo	Dung	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	8.5	9	9	7	8.4	Tám Phẩy Bốn	
728	1920219178	Nguyễn Mỹ	Duyên	K19QTH	DTE 302 G	7.5	0	7	8	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
729	1920716788	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	5	9	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
730	1920719982	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8	9	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
731	1821424145	Đặng Thế	Duyệt	K18KTN	DTE 302 G	7.5	7.5	8	0	7	6.0	Sáu	
732	1910717318	Nguyễn Thị	Hà	K19PSU-DCD	DTE 302 G	5	0	5	8	0	0.0	Không	
733	1920258472	Phạm Thị Thu	Hà	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	7	9	9	7	8.1	Tám Phẩy Một	
734	1920712635	Đoàn Thị	Hà	K19PSU-DLH	DTE 302 G	10	7	7.5	8	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
735	1920715856	Nguyễn Thị Ngân	Hà	K19DLK	DTE 302 G	10	9	8	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
736	172217166	Phan Sơn	Hải	K17XDD	DTE 302 G	10	6	9	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
737	1920256682	Dương Thị Thanh	Hải	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	6	8	7	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
738	1920265696	Nguyễn Thị	Hải	K19KDN	DTE 302 G	10	6	7	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
739	1920718502	Nguyễn Gia	Hân	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	5	9	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
740	1920219083	Trần Thị Kim	Hằng	K19QTH	DTE 302 G	10	6	5	9	7	7.1	Bảy Phẩy Một	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
741	1920255584	Hoàng Thị	Hằng	K19KKT	DTE 302 G	10	8.5	5	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
742	1920265677	Trần Thị Thanh	Hằng	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	8	7	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
743	1821426024	Nguyễn Văn	Hạnh	K18KTN	DTE 302 G	10	7	8	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
744	1920215042	Phan Hồng	Hạnh	K19QTH	DTE 302 G	10	8.5	7	8	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
745	1920255400	Phan Thị Mỹ	Hạnh	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	7	7	9	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
746	1920649811	Trương Thị Mỹ	Hạnh	K19PSU-DLK	DTE 302 G	7.5	0	7	8	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
747	1921613344	Nguyễn Trần Đức	Hậu	K19CSU-XDD	DTE 302 G	10	9	7	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
748	1920265625	Thân Nguyễn Diệu	Hòa	K19KDN	DTE 302 G	10	6	8.5	8	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
749	1921215130	Nguyễn Chí	Hòa	K19PSU-QTH	DTE 302 G	10	5	9	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
750	1821124718	Lê Quý	Hoàn	K18CMU-TPM	DTE 302 G	10	8.5	7	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
751	1920715840	Đặng Thị Thiên	Hoàng	K19DLK	DTE 302 G	10	8	7	9	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
752	1920265644	Trần Thị	Huệ	K19KDN	DTE 302 G	10	7	9	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
753	1911117117	Nguyễn Văn	Hùng	K19TCD	DTE 302 G	10	5	6	7	7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
754	1920255498	Lê Thanh	Hương	K19KDN	DTE 302 G	10	7	7	8	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
755	1920715785	Vũ Nguyễn Thanh	Hương	K19DLK	DTE 302 G	10	8	9	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
756	1921248670	Đoàn Ngọc	Hưởng	K19QNH	DTE 302 G	10	7.5	9	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
757	172237420	Đoàn Xuân	Huy	K17KTR	DTE 302 G	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
758	1921623490	Diệp Vũ	Huy	K19CSU-XDD	DTE 302 G	10	7.5	8	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
759	1820246226	Nguyễn Hoàng Bích	Huyền	K18PSU-QNH	DTE 302 G	10	8	8	5	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
760	1920647943	Trần Thanh	Huyền	K19KMQ	DTE 302 G	10	8	5	8	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
761	172237423	Lê Văn	Huỳnh	K17KTR	DTE 302 G	10	8	9	7	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
762	1920433967	Đỗ Ly	Khánh	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8	7	9	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
763	1921113054	Nguyễn Nhật	Khánh	K19TMT	DTE 302 G	10	5	5	8	7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
764	1921633981	Trương Quốc	Khánh	K19KMQ	DTE 302 G	10	7	7	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
765	1921715810	Nguyễn Đăng	Khoa	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	6.5	8	8	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
766	1920729410	Trần Thị Hồng	Khương	K19DLL	DTE 302 G	10	8.5	7	9	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
767	1921225290	Hồ Gia	Kiệt	K19QTM	DTE 302 G	7.5	7.5	9	0	7	6.2	Sáu Phẩy Hai	
768	1920265684	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	K19KDN	DTE 302 G	10	7.5	7	8	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
769	1920715875	Vũ Thị	Lâm	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	7	9	7	8.0	Tám	
770	1920715901	Nguyễn Thị Thanh	Lê	K19DLK	DTE 302 G	10	9	8	9	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
771	1920634055	Nguyễn Thị	Liên	K19KMT	DTE 302 G	10	6	7	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
772	1920715771	Nguyễn Thị Bích	Liên	K19DLK	DTE 302 G	10	8	7.5	8	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
773	1810714598	Thái Thùy	Linh	K18PSU-DCD	DTE 302 G	7.5	0	5	8	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
774	1820244297	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	K18QNH	DTE 302 G	10	6	7	8	9	7.9	Bảy Phẩy Chín	
775	1821614731	Hồ Duy	Linh	K18XDD	DTE 302 G	5	0	5	9	0	0.0	Không	
776	1910221752	Phạm Thị Thùy	Linh	K19QCD	DTE 302 G	10	8	9	8	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
777	1910317613	Thư Nhật	Linh	K19NCD	DTE 302 G	5	7.5	0	8	0	0.0	Không	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
778	1920216605	Nguyễn Hoài Mỹ	**Linh**	K19PSU-QTH	DTE 302 G	**10**	**9**	**9**	**9**	**7**	**8.5**	**Tám Phẩy Năm**	
779	1920235364	Lê Thùy	**Linh**	K19KDN	DTE 302 G	**10**	**7.5**	**6.5**	**8**	**9**	**8.1**	**Tám Phẩy Một**	
780	1920265610	Vương Phương	**Linh**	K19PSU-KKT	DTE 302 G	**10**	**8**	**9**	**7**	**7**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
781	1920265650	Trương Thị Hàn	**Linh**	K19PSU-KKT	DTE 302 G	**10**	**7.5**	**8.5**	**8**	**7**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
782	1920428928	Đặng Nguyễn Trúc	**Linh**	K19KTN	DTE 302 G	**7.5**	**8.5**	**8**	**0**	**7**	**6.2**	**Sáu Phẩy Hai**	
783	1920715825	Nguyễn Thảo	**Linh**	K19PSU-DLK	DTE 302 G	**10**	**8**	**7**	**8**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
784	1920722655	Ngô Thị Thảo	**Linh**	K19PSU-DLH	DTE 302 G	**10**	**8.5**	**7**	**9**	**7**	**8.0**	**Tám**	
785	1921216633	Nguyễn Huỳnh	**Linh**	K19PSU-QTH	DTE 302 G	**7.5**	**8.5**	**0**	**9**	**7**	**6.3**	**Sáu Phẩy Ba**	
786	1921718692	Nguyễn Trần Nhật	**Linh**	K19PSU-DLK	DTE 302 G	**7.5**	**0**	**5**	**9**	**7**	**5.6**	**Năm Phẩy Sáu**	
787	1921715868	Đỗ Hoàng	**Long**	K19PSU-DLK	DTE 302 G	**7.5**	**8**	**0**	**8**	**8**	**6.3**	**Sáu Phẩy Ba**	
788	1920718987	Trần Thị Tuyết	**Mai**	K19PSU-DLK	DTE 302 G	**10**	**9**	**7**	**9**	**7**	**8.1**	**Tám Phẩy Một**	
789	1920215244	Nguyễn Trần Tuyết	**Mẫn**	K19PSU-QTH	DTE 302 G	**10**	**8**	**5**	**8**	**7**	**7.3**	**Bảy Phẩy Ba**	
790	1820713710	Nguyễn Thị Hiền	**Minh**	K18PSU-DLK	DTE 302 G	**7.5**	**0**	**7**	**8**	**8**	**6.2**	**Sáu Phẩy Hai**	
791	1821713708	Nguyễn Văn	**Minh**	K18PSU-DLK	DTE 302 G	**7.5**	**0**	**9**	**7**	**8**	**6.3**	**Sáu Phẩy Ba**	
792	1921613335	Đỗ Hoàng	**Minh**	K19CSU-XDD	DTE 302 G	**10**	**8**	**8**	**7**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
793	1810214475	Nguyễn Ngọc Hải	**My**	K19PSU-DLK	DTE 302 G	**10**	**8**	**7**	**8**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
794	1920221997	Nguyễn Trà	**My**	K19QTM	DTE 302 G	**7.5**	**0**	**8.5**	**8**	**7**	**6.2**	**Sáu Phẩy Hai**	
795	1920716805	Bùi Thảo	**My**	K19PSU-DLK	DTE 302 G	**10**	**9**	**7**	**8**	**8**	**8.2**	**Tám Phẩy Hai**	
796	1920726089	Trần Lê Khánh	**My**	K19PSU-DLK	DTE 302 G	**10**	**9**	**8**	**9**	**7**	**8.3**	**Tám Phẩy Ba**	
797	1820425848	Lê Nguyễn Ái	**Mỹ**	K18KTN	DTE 302 G	**10**	**5**	**5**	**9**	**7**	**6.9**	**Sáu Phẩy Chín**	
798	1921123185	Lê Văn Thanh	**Mỹ**	K19TPM	DTE 302 G	**10**	**5**	**7**	**8**	**7**	**7.1**	**Bảy Phẩy Một**	
799	1920711336	Đặng Thị Ly	**Na**	K19PSU-DLH	DTE 302 G	**10**	**8**	**8**	**8**	**7**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
800	1820424788	Châu Thị Bích	**Nga**	K18KTN	DTE 302 G	**10**	**7**	**7**	**8**	**7**	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
801	1920250953	Trần Thị Thanh	**Nga**	K19PSU-KKT	DTE 302 G	**10**	**8**	**8.5**	**8**	**7**	**8.0**	**Tám**	
802	1820426207	Trần Thị	**Nguyên**	K18KTN	DTE 302 G	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	***Nợ HP***
803	1821123999	Hồ Ngọc	**Nguyên**	K18CMU-TPM	DTE 302 G	**10**	**7**	**7**	**9**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
804	1821126573	Lê Đình	**Nguyên**	K18CMU-TPM	DTE 302 G	**10**	**8**	**7**	**8**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
805	1920216617	Hoàng Thị Ngọc	**Nguyên**	K19PSU-QTH	DTE 302 G	**10**	**7.5**	**8.5**	**8**	**7**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
806	1920258904	Lưu Thị Bích	**Nguyên**	K19KKT	DTE 302 G	**10**	**7**	**7**	**9**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
807	1921126503	Trần Hồng	**Nguyên**	K19TPM	DTE 302 G	**2.5**	**0**	**0**	**0**	**9**	**0.0**	**Không**	
808	1921613417	Trần Ngọc	**Nguyên**	K19CSU-XDD	DTE 302 G	**10**	**7.5**	**8**	**8**	**7**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	
809	172217225	Nguyễn Xuân	**Nhàn**	K17XDD	DTE 302 G	**10**	**7.5**	**6**	**7**	**7**	**7.2**	**Bảy Phẩy Hai**	
810	1921644927	Đinh Viết	**Nhân**	K19KMQ	DTE 302 G	**7.5**	**0**	**7**	**7**	**7**	**5.6**	**Năm Phẩy Sáu**	
811	1920255540	Tạ Hoàng Linh	**Nhi**	K19PSU-KKT	DTE 302 G	**10**	**8.5**	**8.5**	**8**	**7**	**8.1**	**Tám Phẩy Một**	
812	1920256686	Phạm Thục	**Nhi**	K19PSU-KKT	DTE 302 G	**10**	**9**	**7**	**8**	**7**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
813	1920256713	Võ Thị Thanh	**Như**	K19PSU-KKT	DTE 302 G	**10**	**7.5**	**9**	**8**	**8**	**8.3**	**Tám Phẩy Ba**	
814	1920215186	Lê Thị Hồng	**Nhung**	K19QTH	DTE 302 G	**10**	**7**	**8**	**9**	**7**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
815	1920256709	Lý Thị	Oanh	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	8	8.5	9	7	8.2	Tám Phẩy Hai	
816	172237459	Trần Quang	Phúc	K17KTR	DTE 302 G	10	7.5	7	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
817	1920715835	Nguyễn Y	Phụng	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	7	8	9	8.4	Tám Phẩy Bốn	
818	1921316312	Bùi Hữu	Phước	K19NAB	DTE 302 G	10	6	5	8	7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
819	1920258462	Phạm Thị Quỳnh	Phương	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	9	8.5	9	7	8.4	Tám Phẩy Bốn	
820	1920715797	Trần Thị Thu	Phương	K19PSU-DLK	DTE 302 G	7.5	0	8	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
821	1921619482	Trần Minh	Quân	K19XDD	DTE 302 G	7.5	0	5	7	8	5.5	Năm Phẩy Năm	
822	1921123259	Lê Hữu	Quốc	K19TPM	DTE 302 G	10	8	5	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
823	1820356470	Trần Thị Như	Quý	K18VQH	DTE 302 G	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
824	172237467	Lương Thanh	Quyên	K17KTR	DTE 302 G	10	5	8	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
825	1921265670	Nguyễn Tiến	Sang	K19KDN	DTE 302 G	7.5	4	0	8	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
826	172237472	Lê Ngọc	Sơn	K19KTR	DTE 302 G	5	8	8.5	0	0	0.0	Không	
827	1821614036	Nguyễn Hùng	Sơn	K18CSU-XDD	DTE 302 G	10	9	7	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
828	1921716722	Đặng Ngọc	Sơn	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8	7	7	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
829	1821425249	Hồ Đắc	Tài	K18KTN	DTE 302 G	10	6.5	7	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
830	1921644916	Trương Thành	Tài	K19TPM	DTE 302 G	7.5	6	5	0	8	5.3	Năm Phẩy Ba	
831	1821616288	Lê Ngọc Thiên	Tân	K18XDD	DTE 302 G	10	5	4	9	8	7.0	Bảy	
832	1921216588	Phan Minh	Tấn	K19PSU-QTH	DTE 302 G	10	7.5	7	7	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
833	1921235363	Nguyễn An	Thắng	K19QTC	DTE 302 G	10	8	7.5	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
834	1921721909	Mai Công	Thắng	K19DLL	DTE 302 G	10	5	6	8	8	7.2	Bảy Phẩy Hai	
835	1921716765	Nguyễn Bùi	Thành	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8	8	7	8	8.0	Tám	
836	1820255711	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	K18KKT	DTE 302 G	7.5	0	8	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
837	1820425849	Tạ Thị	Thảo	K18KTN	DTE 302 G	7.5	5	0	8	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
838	1920225297	Hoàng Thạch	Thảo	K19NAB	DTE 302 G	10	7	6	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
839	1920235320	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	7	7	9	8	8.0	Tám	
840	1920255466	Phạm Thị Phương	Thảo	K19KKT	DTE 302 G	10	6.5	8	9	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
841	1920265674	Cao Thị Phương	Thảo	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	8.5	7	8	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
842	1920715735	Nguyễn Thị Minh	Thảo	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	7.5	7	8	8.0	Tám	
843	1920716729	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	5	8	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
844	1920269967	Bùi Đỗ Bảo	Thi	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	7.5	9	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
845	1821176030	Phan Hoàng	Thiện	K18EĐT	DTE 302 G	10	7.5	8.5	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
846	1920726077	Đoàn Thị Thanh	Thiện	K19VQH	DTE 302 G	10	5	6	8	8	7.2	Bảy Phẩy Hai	
847	1921618041	Lê Gia	Thịnh	K19CSU-XDD	DTE 302 G	10	7	7	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
848	1920716757	Trần Kim	Thoa	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	9	8	7	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
849	1921146148	Đặng Vinh	Thống	K19KMQ	DTE 302 G	10	5	7	8	8	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
850	1920256693	Lê Thị Mai	Thư	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	9	7	9	7	8.1	Tám Phẩy Một	
851	1920429816	Bùi Thị Mỹ	Thuận	K19KTN	DTE 302 G	10	5	7	9	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
852	1921255518	Ngô Đức	Thuận	K19TPM	DTE 302 G	7.5	7.5	6	0	8	5.9	Năm Phẩy Chín	
853	1920715814	Hồ Thị Tố	Thương	K19PSU-DLH	DTE 302 G	10	6	9	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
854	1820714957	Bùi Huỳnh Nguyên	Thuy	K18PSU-DLK	DTE 302 G	10	7	8.5	8	8	8.1	Tám Phẩy Một	
855	1920715962	Lê Thị Thanh	Thúy	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	7.5	8	8	8	8.1	Tám Phẩy Một	
856	172528659	Thái Thị Kim	Thùy	K17QNH	DTE 302 G	10	5	8	9	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
857	1920256718	Đặng Thị Kim	Thủy	K19PSU-QTH	DTE 302 G	10	8	7	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
858	1920715908	Nguyễn Phan Hoa	Thuyên	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	7	9	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
859	1920261957	Nguyễn Thị	Thuyền	K19KDN	DTE 302 G	10	7.5	9	7	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
860	1920219143	Phạm Thị Thủy	Tiên	K19PSU-QTH	DTE 302 G	7.5	0	6	8	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
861	1920258473	Nguyễn Vũ Bảo	Tiên	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	8.5	8.5	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
862	1920718055	Lâm Thị Thảo	Tiên	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	5	8	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
863	1921246657	Nguyễn Ngọc	Tiến	K19PSU-QNH	DTE 302 G	10	7.5	7	7	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
864	1921232576	Nguyễn Viết	Tín	K19QTC	DTE 302 G	10	8	7.5	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
865	1920259014	Lê Thị Thanh	Tịnh	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	6	8.5	9	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
866	1911627683	Nguyễn Hải	Tòng	K19MCD	DTE 302 G	10	7	6	8	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
867	1810215481	Phan Thị Diệu	Trâm	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	8.5	7.5	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
868	1820246224	Huỳnh Trương Ngọc	Trâm	K18PSU-QNH	DTE 302 G	10	8.5	8	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
869	1920715853	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	9	7	7	8	8.0	Tám	
870	1920216582	Lê Nguyễn Minh	Trang	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	9	9	8	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
871	1920255414	Võ Phương	Trang	K19KDN	DTE 302 G	10	5	7.5	8	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
872	1920649486	Phạm Thị Thùy	Trang	K19KMQ	DTE 302 G	10	8	6	9	8	8.0	Tám	
873	1921123209	Huỳnh Ngọc Minh	Trí	K19TPM	DTE 302 G	2.5	0	0	0	8	0.0	Không	
874	1921716744	Trần Đình	Triệu	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
875	1920248980	Trần Thị Thùy	Trinh	K19PSU-QTH	DTE 302 G	10	7.5	7	8	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
876	1921251849	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	K19KKT	DTE 302 G	10	8	7	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
877	1921423705	Lê Văn	Trung	K19KTN	DTE 302 G	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
878	1921616512	Hoàng Bảo	Trung	K19CSU-XDD	DTE 302 G	0	0	0	0	0	0.0	Không	
879	1920215209	Trịnh Trầm Khả	Tú	K19PSU-QTH	DTE 302 G	7.5	0	7	8	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
880	172237508	Phan	Tuấn	K17KTR	DTE 302 G	7.5	8	7	0	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
881	172257347	Lê Anh	Tuấn	K17KMT	DTE 302 G	10	5	5	8	7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
882	1811226163	Nguyễn Thanh	Tuấn	K19QCD	DTE 302 G	0	0	0	0	0	0.0	Không	
883	1820424143	Phạm Bảo	Uyên	K18KTN	DTE 302 G	10	5	6	9	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
884	1920146866	Hà Nguyễn Thảo	Uyên	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	9	7	9	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
885	1920255510	Võ Thị Tố	Uyên	K19KKT	DTE 302 G	10	7	7	9	8	8.0	Tám	
886	1920712451	Lê Bảo	Uyên	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	8	8	7	8.0	Tám	
887	1920715707	Lê Hải	Vân	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	8	8	7	8.0	Tám	
888	1920715722	Trần Vũ Hồng	Vân	K19PSU-KKT	DTE 302 G	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
889	1920716762	Đặng Thị Cẩm	Vân	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	7.5	8.5	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
890	1920716725	Phạm Lưu Hồng	Vi	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	7.5	7	8	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
891	1921623518	Phạm Phú	Viên	K19XDC	DTE 302 G	10	7	8.5	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
892	1821244899	Nguyễn Đình Quốc	Việt	K18PSU-QNH	DTE 302 G	7.5	7	0	6	8	5.8	Năm Phẩy Tám	
893	1911238881	Hoàng Quốc	Việt	K19BCD	DTE 302 G	10	6	7	7	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
894	1921613411	Võ Hùng	Vũ	K19CSU-XDD	DTE 302 G	10	8	6	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
895	1821415661	Nguyễn Việt	Vương	K18CSU-KTR	DTE 302 G	0	0	0	0	0	0.0	Không	
896	1920219279	Trương Thị	Vy	K19PSU-QTH	DTE 302 G	10	7.5	9	9	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
897	1920250868	Nguyễn Hà	Vy	K19KKT	DTE 302 G	10	7.5	9	8	7	8.0	Tám	
898	1820245709	Lê Thị Hương	Xuân	K18PSU-QNH	DTE 302 G	10	8	9	8	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
899	1920265654	Trương Thị Thanh	Xuân	K19YDH	DTE 302 G	10	5	5	8	7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
900	1920265595	Trần Thị Như	Ý	K19KDN	DTE 302 G	10	7.5	9	8	7	8.0	Tám	
901	1920235357	Nguyễn Thị Hải	Yến	K19QNH	DTE 302 G	10	8.5	7	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
902	1920265661	Phạm Thị Hải	Yến	K19KDN	DTE 302 G	10	8	6	8	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
903	1920265669	Hà Hoàng	Yến	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	7.5	9	7	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
904	1920716783	Võ Thị Hải	Yến	K19PSU-DLK	DTE 302 G	10	8.5	7	8	8	8.1	Tám Phẩy Một	
905	172237486	Đoàn Thanh	Thịnh	K18KTR	DTE 302 G	2.5	0	7	0	0	0.0	Không	
906	1920326348	Nguyễn Thị	An	K19NAD	DTE 302 I	10	9	7	6.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
907	1920716004	Trương Thị Mỹ	An	K19DLK	DTE 302 I	10	5	7.5	8	8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
908	1821625647	Trần Đức	Anh	K18XDC	DTE 302 I	10	8	8	7	8	8.0	Tám	
909	1920259105	Trần Thị Ngọc	Anh	K19KKT	DTE 302 I	10	9	6	4	6.5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
910	1920259226	Nguyễn Thị Tâm	Anh	K19KKT	DTE 302 I	10	8	7.5	6	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
911	1920613434	Lại Thị Hoàng	Anh	K19KTN	DTE 302 I	10	10	8.5	7	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
912	1920716736	Võ Lê Lan	Anh	K19PSU-DLK	DTE 302 I	7.5	0	7	4	7	5.1	Năm Phẩy Một	
913	1921116399	Nguyễn Tuấn	Anh	K19CMU-TMT	DTE 302 I	0	0	0	0	0	0.0	Không	
914	1921141381	Trần Nguyên	Anh	K19TTT	DTE 302 I	10	8	7	5	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
915	1921529635	Đào Tuấn	Anh	K19YDH	DTE 302 I	10	8	7.5	5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
916	1920356219	Nguyễn Thị Kim	Ánh	K19VQH	DTE 302 I	10	8	7.5	6	7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
917	1920358912	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K19VQH	DTE 302 I	10	9	7	5	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
918	1921215014	Nguyễn Quốc	Bảo	K19KDN	DTE 302 I	10	5	7	5	6.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
919	1921736849	Nguyễn Lê Gia	Bảo	K19PSU-DLK	DTE 302 I	7.5	0	7	6	7.5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
920	1920246659	Nguyễn Như	Bình	K19PSU-QNH	DTE 302 I	5	0	0	8	7.5	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
921	1920726021	Phạm Thị	Bông	K19DLK	DTE 302 I	10	8	8	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
922	1811223956	Nguyễn Đức	Cảnh	K18QCD	DTE 302 I	10	5	8	5	7.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	*97327*
923	1921127839	Lê Đức	Cảnh	K19TPM	DTE 302 I	7.5	0	7.5	6	8	5.9	Năm Phẩy Chín	
924	1820715896	Hoàng Linh	Chi	K18DLK	DTE 302 I	10	10	8	9	7.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
925	1920220854	Nguyễn Thị Kim	Chi	K19QTM	DTE 302 I	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
926	1821525298	Nguyễn Văn	Chiến	K18YDH	DTE 302 I	10	8	7	5	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
927	1921318030	Nguyễn Xuân	Chính	K19NAB	DTE 302 I	10	8	6.5	4	7.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
928	1921211844	Thẩm Văn	Cương	K19QTH	DTE 302 I	10	8	7	4.5	7	7.0	Bảy	
929	172227105	Phan Quốc	Đại	K17XDC	DTE 302 I	5	0	0	9	8	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
930	1820715737	Lê Thị Mỹ	Danh	K18DLK	DTE 302 I	10	9	7.5	7	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
931	1821524203	Nguyễn Ngọc	Danh	K18YDH	DTE 302 I	10	9	8	6	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
932	1821523605	Đoàn Tiến	Đạt	K18YDH	DTE 302 I	10	8	7	7	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
933	1921123152	Châu Hoàng Anh	Đạt	K19TPM	DTE 302 I	7.5	0	7.5	5	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
934	1921719098	Lâm Thành	Đạt	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	8	6	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
935	1920318539	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	K19NAB	DTE 302 I	7.5	0	7	6	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
936	1920715921	Trần Thị Như	Diễm	K19VQH	DTE 302 I	10	9	8.5	6.5	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
937	1820256071	Nguyễn Thị	Điều	K18DLK	DTE 302 I	10	8	7.5	5	9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
938	1920715943	Trương Nguyễn Hạ	Đông	K19DLK	DTE 302 I	7.5	9	8	0	7	6.2	Sáu Phẩy Hai	
939	1921716803	Trần Hồng Gia	Đông	K19PSU-DLK	DTE 302 I	2.5	0	0	0	6.5	0.0	Không	
940	1921716798	Phạm Văn	Đức	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	9	8	5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
941	1921726095	Nguyễn Hồng	Đức	K19VQH	DTE 302 I	5	0	7.5	0	7	4.1	Bốn Phẩy Một	
942	1810226159	Lê Thị Thùy	Dung	K19PSUQCD	DTE 302 I	10	9	8.5	8	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
943	1820216434	Huỳnh Thị Kiều	Dung	K18QTH	DTE 302 I	10	9	8	6.5	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
944	1920326363	Phạm Thị Thùy	Dung	K19NAD	DTE 302 I	10	8	8.5	6.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
945	1920736850	Trần Thị Mỹ	Dung	K19PSU-DLH	DTE 302 I	10	9	7	5.5	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
946	1921715890	Trần Ngọc	Dung	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	8	7.5	4	7.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
947	1820214844	Đặng Thị Thùy	Dương	K18QTH	DTE 302 I	10	9	8	6.5	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
948	1920413539	Lê Thị Thùy	Dương	K19KTN	DTE 302 I	10	9	6	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
949	1821524194	Phan Hải	Đường	K18YDH	DTE 302 I	10	8	5	7	7.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
950	1921123145	Nguyễn Quốc	Duy	K19TPM	DTE 302 I	7.5	0	8	5	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
951	1921318538	Phạm Ngọc	Duy	K19NAB	DTE 302 I	10	10	7	6	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
952	1920255410	Cao Trần Kỳ	Duyên	K19KKT	DTE 302 I	10	8	8.5	6	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
953	1920715798	Trần Thị Khánh	Duyên	K19PSU-DLK	DTE 302 I	7.5	0	8	6	7.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
954	1811125560	Phan Ngọc Đình	Giang	K18ECD	DTE 302 I	10	8	3	5.5	6.5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
955	1920715985	Đỗ Thị	Giang	K19DLK	DTE 302 I	10	8	8	6.5	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
956	1920116401	Lê Thị Thu	Hà	K19TMT	DTE 302 I	10	9	7.5	5.5	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
957	1920215231	Nguyễn Thị	Hà	K19QTH	DTE 302 I	10	9	8	7	7.5	8.0	Tám	
958	1920255496	Trần Thị Kiều	Hà	K19KKT	DTE 302 I	10	9	7	5.5	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
959	1920265692	Phạm Thị Thu	Hà	K19KDN	DTE 302 I	10	8	7.5	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
960	1920719115	Nguyễn Thị	Hà	K19DLK	DTE 302 I	10	8	8	6.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
961	1820214231	Trần Thị Cẩm	Hải	K18QTH	DTE 302 I	10	8	8	6.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
962	1921433924	Trần Thanh	Hải	K19AĐH	DTE 302 I	10	5	7	5.5	7.5	6.8	Sáu Phẩy Tám	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
963	1920715704	Nguyễn Thái Gia	Hân	K19PSU-DLK	DTE 302 I	7.5	0	7	4	7.5	5.2	Năm Phẩy Hai	
964	1820714388	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	K18DLK	DTE 302 I	10	9	7.5	7.5	7.5	8.0	Tám	
965	1821716093	Võ Thanh	Hằng	K18DLK	DTE 302 I	10	9	7	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
966	1920356202	Bùi Nguyên Minh	Hằng	K19VQH	DTE 302 I	10	10	8.5	7	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
967	1920251342	Đặng Thị Thanh	Hậu	K19KKT	DTE 302 I	10	8	7.5	5	6.5	7.0	Bảy	
968	1920245379	Lương Thị	Hiền	K19QTC	DTE 302 I	10	8	6.5	7	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
969	1920255575	Hồ Thị	Hiền	K19KKT	DTE 302 I	10	9	7	8	6.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
970	1921410875	Trương Văn	Hiệp	K19KTR	DTE 302 I	7.5	8	8	0	7.5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
971	1821214849	Hồ Quốc	Hiếu	K18QTH	DTE 302 I	10	10	8	5.5	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
972	1920358021	Nguyễn Đỗ Mỹ	Hiếu	K19VQH	DTE 302 I	7.5	0	7.5	7	8	6.1	Sáu Phẩy Một	
973	1921113075	Trần Trung	Hiếu	K19TMT	DTE 302 I	10	8	7	4.5	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
974	1820215320	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	K18QTH	DTE 302 I	10	8	7.5	7.5	8	8.0	Tám	
975	1820526663	Lê Thị Như	Hoa	K18YDH	DTE 302 I	10	10	8.5	8	7.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
976	1920413544	Võ Xuân	Hoa	K19KTN	DTE 302 I	10	10	7	6.5	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
977	1920351933	Thân Thị	Hòa	K19VQH	DTE 302 I	10	9	7.5	4	7.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
978	172237406	Đỗ Phúc	Hoan	K17KTR	DTE 302 I	10	9	8	8	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
979	1920518210	Nguyễn Thị Thu	Hồng	K19KDN	DTE 302 I	10	9	8	4	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
980	1921613384	Nguyễn Thanh	Hưng	K19XDD	DTE 302 I	10	9	7	6	6.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
981	1820716338	Nguyễn Phước Quỳnh	Hương	K18DLK	DTE 302 I	10	10	8.5	7.5	8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
982	1920225265	Phan Ngọc Quỳnh	Hương	K19PSU-KKT	DTE 302 I	10	5	7	7.5	7.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
983	1920251802	Nguyễn Thị	Hương	K19KKT	DTE 302 I	7.5	9	7.5	5.5	0	5.2	Năm Phẩy Hai	
984	172217192	Bùi Văn	Hướng	K19XDD	DTE 302 I	0	0	0	0	0	0.0	Không	
985	1920215207	Mai Thị Thu	Hường	K19QTH	DTE 302 I	10	9	8.5	7	9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
986	1920265598	Nguyễn Thị Minh	Hường	K19KDN	DTE 302 I	10	9	7.5	7	8	8.1	Tám Phẩy Một	
987	162233506	Phạm Vũ Quang	Huy	K17KTR	DTE 302 I	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
988	1921173850	Nguyễn Hùng	Huy	K19EĐT	DTE 302 I	10	8	6.5	5	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
989	1921225249	Phạm Anh	Huy	K19QTM	DTE 302 I	10	8	7	7.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
990	1920428174	Cao Lê Thư	Huyền	K19KTN	DTE 302 I	10	8	6	5.5	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
991	1911717283	Trần Lê	Khiêm	K19DCD	DTE 302 I	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
992	1821414122	Nguyễn Duy	Khoa	K18CSU-KTR	DTE 302 I	7.5	0	7.5	4.5	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
993	1921256677	Nguyễn Hữu Lê	Khoa	K19PSU-KKT	DTE 302 I	7.5	0	7	7	7.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
994	1921123203	Ngô Đình Phan	Kiếm	K19TTT	DTE 302 I	10	8	7	5	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
995	1921215239	Đinh Xuân	Kiên	K19PSU-QTH	DTE 302 I	10	8	7.5	6.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
996	1921524685	Phan Tuấn	Kiệt	K19PSU-KKT	DTE 302 I	7.5	0	8	8	7.5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
997	1920715897	Nguyễn Thị Minh	Kỳ	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	9	8	6	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
998	1921173806	Lê Văn	Kỳ	K19EĐT	DTE 302 I	10	9	7	6	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
999	1920269823	Đỗ Thị Thanh	Lam	K19KDN	DTE 302 I	10	8	7.5	9	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1000	1921119501	Nguyễn Trần Nhật	Lâm	K19TMT	DTE 302 I	10	8	6.5	5	7	7.0	Bảy	
1001	1920222489	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	K19QTM	DTE 302 I	10	8	7	6	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1002	1920326345	Văn Thị Ngọc	Lan	K19NAD	DTE 302 I	10	8	8	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1003	1821214232	Trịnh Vũ	Lân	K18QTH	DTE 302 I	10	8	7.5	7.5	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1004	1920269029	Trần Đoàn Thanh	Liêm	K19QTC	DTE 302 I	10	8	8	5.5	7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1005	1820526713	Mai Thị Mỹ	Liên	K18YDH	DTE 302 I	10	8	8.5	8	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
1006	1820716237	Tạ Diệu	Liên	K18DLK	DTE 302 I	10	9	8	8	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1007	1821613821	Nguyễn Trường	Linh	K18XDD	DTE 302 I	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
1008	1920644949	Nguyễn Thị Vĩ	Linh	K19KMQ	DTE 302 I	7.5	8	7.5	0	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
1009	1921146147	Nguyễn Quốc	Linh	K19TTT	DTE 302 I	7.5	0	7	7	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
1010	1820215318	Hoàng Thị	Lộc	K18QTH	DTE 302 I	10	10	7.5	8.5	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
1011	1921173808	Phan Lê Thành	Long	K19EĐT	DTE 302 I	10	8	7	8	8	8.0	Tám	
1012	1921350825	Võ Đặng Duy	Luân	K19VQH	DTE 302 I	10	5	7	6.5	8	7.1	Bảy Phẩy Một	
1013	1921644923	Trần Phước	Lực	K19QTC	DTE 302 I	10	8	8	4.5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1014	1920259628	Nguyễn Thị Thảo	Ly	K19KKT	DTE 302 I	10	9	7.5	6	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1015	1920239845	Phan Thị Cẩm	Lý	K19QTC	DTE 302 I	10	10	7.5	7.5	7	8.1	Tám Phẩy Một	
1016	1820713699	Phạm Thị Thanh	Mai	K18DLK	DTE 302 I	10	10	7.5	7	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
1017	1910719074	Nguyễn Thị	Mai	K19DCD	DTE 302 I	10	9	7	7	8	8.0	Tám	
1018	1920320926	Lê Thị	Mai	K19NAD	DTE 302 I	10	8	7.5	5	8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1019	1921173824	Đỗ Đình	Mạnh	K19EĐT	DTE 302 I	10	8	6.5	5	7	7.0	Bảy	
1020	1921715960	Ngô Văn	Minh	K19DLK	DTE 302 I	7.5	8	0	5	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
1021	1920258999	Phạm Thị Lâm	Mơ	K19KKT	DTE 302 I	10	8	4	8	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
1022	1821523865	Trần Lê Phú	Mỹ	K18YDH	DTE 302 I	10	8	8	6	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1023	172528572	Nguyễn Hữu Khánh	Nam	K17QNH	DTE 302 I	10	10	7	9	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
1024	1821164151	Nguyễn Hữu	Nam	K18EVT	DTE 302 I	7.5	5	0	4	6.5	4.5	Bốn Phẩy Năm	
1025	1821524199	Lê Đỗ Quốc	Nam	K18YDH	DTE 302 I	10	8	6.5	7	7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1026	1920311895	Võ Thị Thanh	Nga	K19NAB	DTE 302 I	10	9	8.5	5.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1027	1920260942	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K19KDN	DTE 302 I	10	8	7	5	7.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1028	1920318905	Nguyễn Thanh	Ngân	K19KDN	DTE 302 I	10	10	7.5	7	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1029	1920716800	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	9	7	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1030	1920259533	Lê Nguyễn Phương	Nghi	K19KKT	DTE 302 I	5	8	0	0	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
1031	1821165667	Võ Thành	Nghĩa	K18EVT	DTE 302 I	10	9	5	4	6.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
1032	1821526305	Trịnh Ngọc Trọng	Nghĩa	K18YDH	DTE 302 I	10	10	8	6.5	7	8.0	Tám	
1033	1921113096	Nguyễn Nhơn	Nghĩa	K19TMT	DTE 302 I	10	8	7	5	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
1034	1920262499	Nguyễn Thị	Ngọc	K19KDN	DTE 302 I	10	9	6	6.5	7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1035	1920528793	Nguyễn Thị	Ngọc	K19YDH	DTE 302 I	7.5	0	7.5	7.5	7.5	6.0	Sáu	
1036	1920312604	Trần Thị Thảo	Nguyên	K19KDN	DTE 302 I	7.5	8	0	5.5	7.5	5.7	Năm Phẩy Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1037	1920326383	Huỳnh Thảo	Nguyên	K19NAD	DTE 302 I	10	9	8	7	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1038	1920358530	Trần Thúy	Nguyên	K19VQH	DTE 302 I	10	8	7	5	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
1039	1920715909	Nguyễn Khải	Nguyên	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	9	7	6	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1040	1920726043	Trần Hồ Thu	Nguyệt	K19QTH	DTE 302 I	10	9	8	7	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
1041	1820215693	Nguyễn Thị	Nhài	K18QTH	DTE 302 I	10	9	8.5	9	8	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1042	1920268492	Lê Hà Yến	Nhi	K19KDN	DTE 302 I	10	8	7	5.5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1043	1920221995	Lê Đỗ Khánh	Nhiên	K19QTH	DTE 302 I	10	8	7.5	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1044	1920719577	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K19DLK	DTE 302 I	7.5	8	8	6	0	5.2	Năm Phẩy Hai	
1045	1920726014	Nguyễn Thị	Như	K19NAD	DTE 302 I	10	9	8.5	6.5	7.5	8.0	Tám	
1046	1920239495	Lê Thị Hồng	Nhung	K19QTC	DTE 302 I	10	9	7.5	9	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
1047	1920255566	Nguyễn Thị	Nhung	K19KKT	DTE 302 I	10	9	7	6	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1048	1920423683	Tưởng Thị Thúy	Nhung	K19KTN	DTE 302 I	10	9	7	6.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1049	1920257981	Lê Tâm Thảo	Ny	K19KKT	DTE 302 I	10	10	7.5	6	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1050	172237454	Lê Khắc Hoàng	Oanh	K17KTR	DTE 302 I	10	10	7.5	8	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
1051	1920218437	Nguyễn Thị Mỹ	Oanh	K19QTC	DTE 302 I	10	10	7	5	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1052	1920258465	Lê Thị Kim	Oanh	K19KDN	DTE 302 I	10	8	7.5	7.5	8	8.0	Tám	
1053	1920644954	Trương Thị	Phê	K19KMQ	DTE 302 I	10	10	8	6.5	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1054	1921265671	Huỳnh Tấn Vĩnh	Phú	K19KDN	DTE 302 I	10	8	6.5	6	7.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1055	1821216049	Lê Tấn	Phúc	K18QTH	DTE 302 I	10	8	7	6	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1056	1821524176	Mai Đức	Phúc	K18YDH	DTE 302 I	10	9	7.5	7	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1057	1921173895	Nguyễn Trần Thiên	Phúc	K19EĐT	DTE 302 I	10	8	7.5	6	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1058	1920716732	Đặng Thị Kim	Phụng	K19PSU-DLK	DTE 302 I	7.5	0	7	5.5	6.5	5.2	Năm Phẩy Hai	
1059	172237462	Vũ Hồ Bình	Phương	K17KTR	DTE 302 I	7.5	0	8	8	8	6.3	Sáu Phẩy Ba	
1060	1920310987	Nguyễn Trần Uyên	Phương	K19NAB	DTE 302 I	10	9	7.5	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1061	1920715977	Huỳnh Thị	Phương	K19PSU-DLH	DTE 302 I	10	8	8	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1062	1920246668	Nguyễn Vũ Yến	Phượng	K19PSU-QNH	DTE 302 I	10	8	7	6	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1063	1920267990	Hứa Thị Hồng	Phượng	K19KDN	DTE 302 I	10	9	7.5	4	8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1064	1821414099	Lê Tự	Quang	K18KTR	DTE 302 I	10	8	6.5	6.5	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1065	1821414752	Nguyễn Hữu	Quốc	K18KTR	DTE 302 I	10	8	7	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1066	1921146134	Huỳnh Đức	Quốc	K19TTT	DTE 302 I	10	8	6	6	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
1067	1811613726	Nguyễn Ngọc	Sanh	K18XCD	DTE 302 I	10	9	7	5	6.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
1068	1921173786	Phan Đức	Sơn	K19EĐT	DTE 302 I	10	5	7.5	5	7	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
1069	1920227960	Nguyễn Thị Thu	Sương	K19QTM	DTE 302 I	10	10	8	8	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
1070	1921149784	Võ Thanh	Tài	K19TTT	DTE 302 I	10	9	7.5	6	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1071	1920258460	Bùi Thị Thanh	Tâm	K19KKT	DTE 302 I	10	9	8	9	8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1072	1821614733	Nguyễn Hồng	Tân	K18XDD	DTE 302 I	10	9	7.5	8	7	8.0	Tám	
1073	1921146152	Hồ Kinh Quốc	Thái	K19TTT	DTE 302 I	10	8	7	5	7	7.1	Bảy Phẩy Một	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1074	1920529879	Nguyễn Thị	Thắm	K19YDH	DTE 302 I	7.5	0	7.5	7	7	5.8	Năm Phẩy Tám	
1075	1921413617	Trần Viết	Thắng	K19KTR	DTE 302 I	10	9	6.5	7.5	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1076	1911118072	Nguyễn Lê	Thanh	K19CMU-TCD	DTE 302 I	10	9	7	6	8.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1077	1920261998	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	K19KDN	DTE 302 I	7.5	8	7.5	0	7.5	6.1	Sáu Phẩy Một	
1078	1920326347	Nguyễn Thị Thu	Thanh	K19NAD	DTE 302 I	10	8	8.5	6.5	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1079	1920528352	Thủy Thị Hoài	Thanh	K19YDH	DTE 302 I	10	8	8	6	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1080	1920715858	Nguyễn Việt	Thành	K19DLK	DTE 302 I	10	10	8.5	7	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1081	1921613415	Nguyễn Quốc	Thành	K19XDD	DTE 302 I	10	9	7	6.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1082	172317818	Võ Y	Thảo	K18KKT	DTE 302 I	10	8	7.5	5.5	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1083	1820255891	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	K19PSU-KKT	DTE 302 I	10	9	8.5	8	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
1084	1820716550	Thân Lê Mai	Thảo	K18DLK	DTE 302 I	10	8	7.5	9	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1085	1920128132	Đặng Thị Thanh	Thảo	K19KDN	DTE 302 I	10	9	7	9	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1086	1920225268	Lưu Thị Phương	Thảo	K19QTM	DTE 302 I	10	8	7.5	7.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1087	1920716813	Trần Thị Thanh	Thảo	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	10	7	6	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1088	1920649350	Nguyễn Thị Lệ	Thi	K19KMQ	DTE 302 I	7.5	0	8.5	6	8	6.1	Sáu Phẩy Một	
1089	1920265631	Phan Thị Anh	Thư	K19KDN	DTE 302 I	10	8	7.5	6.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1090	1920711923	Trần Anh	Thư	K19PSU-DLH	DTE 302 I	10	8	8	6	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1091	1921437871	Hà Văn	Thuận	K19TPM	DTE 302 I	10	10	7.5	5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1092	1921613347	Lưu Hùng	Thuận	K19XDD	DTE 302 I	10	8	8	6	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1093	1821164794	Đinh Vũ Ngọc	Thức	K19TMT	DTE 302 I	7.5	0	6.5	4.5	7	5.1	Năm Phẩy Một	
1094	1920265608	Nguyễn Hoài	Thương	K19DLK	DTE 302 I	10	9	8.5	7	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1095	1920428175	Nguyễn Thị	Thương	K19KTN	DTE 302 I	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
1096	1920268499	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	K19KDN	DTE 302 I	10	9	8.5	7.5	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1097	1820524201	Nguyễn Phạm Bích	Thùy	K18YDH	DTE 302 I	7.5	0	8.5	7	7.5	6.1	Sáu Phẩy Một	
1098	1920717998	Lê Nguyễn Ngọc	Thùy	K19DLK	DTE 302 I	7.5	0	7.5	6	7	5.5	Năm Phẩy Năm	
1099	1920265683	Ngô Thị Thanh	Thủy	K19KDN	DTE 302 I	10	9	7	6	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1100	1920235328	Văn Thị Thủy	Tiên	K19QTC	DTE 302 I	10	8	7.5	8	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1101	1921113082	Nguyễn Đắc	Tiến	K19TMT	DTE 302 I	10	8	7	7.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1102	1921113114	Nguyễn Thế	Tiến	K19TMT	DTE 302 I	7.5	8	6.5	0	7	5.8	Năm Phẩy Tám	
1103	1921215052	Châu Ngọc	Tiến	K19QTH	DTE 302 I	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1104	1921413578	Nguyễn Đức	Tiến	K19KTR	DTE 302 I	10	9	8	7.5	7	8.0	Tám	
1105	172336872	Nguyễn Văn	Tiếp	3+1	DTE 302 I	10	8	6	6	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
1106	1821165666	Nguyễn Công	Tín	K18EVT	DTE 302 I	10	8	6	5	7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
1107	1920252343	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	K19KKT	DTE 302 I	10	9	7.5	6.5	8	8.0	Tám	
1108	1920711994	Nguyễn Thùy	Trâm	K19PSU-DLH	DTE 302 I	10	8	8	6	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1109	1820264939	Hoàng Thị Hà	Trang	K18KDN	DTE 302 I	10	9	8.5	6	8	0.0	Không	*Nợ HP*
1110	1820526578	Lê Thị Kiều	Trang	K18YDH	DTE 302 I	10	8	8	6	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1111	1920215172	Phan Thùy	Trang	K19KKT	DTE 302 I	10	8	7.5	5.5	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1112	1920255527	Đoàn Thuỳ	Trang	K19KKT	DTE 302 I	10	8	7	4.5	7.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
1113	1920356227	Hồ Thị Huyền	Trang	K19VQH	DTE 302 I	10	8	7.5	5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1114	1920358022	Vũ Hồng Thu	Trang	K19VQH	DTE 302 I	5	0	7	0	7.5	4.2	Bốn Phẩy Hai	
1115	1920423690	Trần Thị Thu	Trang	K19KTN	DTE 302 I	10	8	4	5	6.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
1116	1920715812	Phan Mai Thiên	Trang	K19DLK	DTE 302 I	10	9	8.5	6	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1117	1921316298	Thái Minh	Trí	K19NAB	DTE 302 I	10	8	7	6	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1118	1820714949	Lê Ngọc Phương	Trinh	K18DLK	DTE 302 I	10	9	8	7.5	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
1119	1820714953	Phạm Thị Quý	Trinh	K18KKT	DTE 302 I	10	9	7.5	8	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1120	1920716795	Phan Thị Thủy	Trinh	K19VQH	DTE 302 I	10	8	7	4.5	7.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
1121	1920255522	Hoàng Thị Ngọc	Trúc	K19KDN	DTE 302 I	10	10	7.5	7	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1122	1911237787	Tống Thanh	Tuấn	K19BCD	DTE 302 I	10	5	7	6	7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
1123	1921712407	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	K19PSU-DLK	DTE 302 I	5	0	7.5	0	6.5	0.0	Không	
1124	1921716777	Phan Thanh	Tuấn	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	8	7	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1125	1921726066	Trương Minh	Tuấn	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	8	7.5	5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1126	1821165668	Hà Kim	Tùng	K18EVT	DTE 302 I	10	9	6.5	6.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1127	1921161765	Nguyễn Thanh	Tùng	K19EVT	DTE 302 I	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1128	1921163768	Nguyễn Hữu Hoàng	Tuyên	K19EĐT	DTE 302 I	7.5	0	7.5	7	7	5.8	Năm Phẩy Tám	
1129	1921215142	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	K19QTH	DTE 302 I	10	8	8	5.5	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1130	1921235344	Ngô Huỳnh Minh	Uy	K19QTC	DTE 302 I	10	8	7	7	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1131	1820214242	Cai Thái Hoàng	Uyên	K18QTH	DTE 302 I	10	10	8.5	7	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
1132	1920123172	Lê Bảo	Uyên	K19TPM	DTE 302 I	10	9	8	7.5	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
1133	1920251323	Lê Diệu	Uyên	K19PSU-KKT	DTE 302 I	10	9	7	5	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1134	1820523581	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	K18YDH	DTE 302 I	10	9	8.5	6	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1135	162213347	Trần Hoàng	Việt	K18QTH	DTE 302 I	7.5	5	7	0	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
1136	1921173867	Nguyễn Hoàng	Việt	K19EĐT	DTE 302 I	10	5	7.5	6	7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
1137	1921715788	Đỗ Nguyễn Hoàng	Việt	K19PSU-DLK	DTE 302 I	7.5	0	7	6	7.5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
1138	172237519	Tô Quang	Vinh	K17KTR	DTE 302 I	7.5	10	0	5	7.5	6.0	Sáu	
1139	1821126686	Lâm Hoàng	Vũ	K18CMU-TPM	DTE 302 I	10	9	8	7.5	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
1140	1921123170	Nguyễn Lưu	Vũ	K19TPM	DTE 302 I	7.5	0	7.5	6	8	5.9	Năm Phẩy Chín	
1141	1821526514	Phạm Thế	Vương	K18YDH	DTE 302 I	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1142	1820523592	Ngô Thị Tường	Vy	K18YDH	DTE 302 I	10	9	8	7	7.5	8.0	Tám	
1143	1821524181	Dương Thị Tường	Vy	K18YDH	DTE 302 I	10	9	7.5	7	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1144	1920225256	Trần Thị	Vy	K19QTM	DTE 302 I	10	8	7	6	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1145	1920312601	Dương Thị Tường	Vy	K19NAB	DTE 302 I	10	8	7.5	6	7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1146	1920316326	Trần Diệu	Vy	K19PSU-QTH	DTE 302 I	10	8	7.5	6.5	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1147	1921715800	Nguyễn Thị Kim	Vy	K19PSU-DLK	DTE 302 I	7.5	0	8	8	8	6.3	Sáu Phẩy Ba	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1148	1921715889	Lê Đỗ Tường	Vy	K19PSU-DLK	DTE 302 I	10	8	7	6.5	7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1149	1921524839	Nguyễn Kim	Xanh	K19YDH	DTE 302 I	7.5	8	7	0	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
1150	1920350913	Võ Thị Thanh	Xuân	K19VQH	DTE 302 I	10	9	8.5	7	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1151	1920326346	Nguyễn Thị Như	Ý	K19VQH	DTE 302 I	10	8	8	6.5	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
1152	1920230715	Nguyễn Thị Hải	Yến	K19QTC	DTE 302 I	10	9	7	6	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1153	1920715776	Nhan Lưu Như	Yến	K19PSU-DLK	DTE 302 I	7.5	0	7.5	6.5	7.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
1154	1921178187	Đinh Hoàng	Dũng	K19EĐT	DTE 302 I	5	0	7	7	0	0.0	Không	
1155	1911517488	Nguyễn Huỳnh	Sany	K19VCD	DTE 302 I	2.5	0	0	7	0	0.0	Không	
1156	1920726076	Phan Vũ Gia	Ân	K19DLL	DTE 302 K	10	10	8	8	8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
1157	1920719514	Trần Nguyễn Kim	Anh	K19PSU-DLK	DTE 302 K	7.5	0	8	7.5	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
1158	1921715712	Nguyễn Ngọc	Anh	K19PSU-DLK	DTE 302 K	10	8	9	8.5	8	8.5	Tám Phẩy Năm	
1159	1921715920	Trần Phạm Lục	Anh	K19DLK	DTE 302 K	10	9	8.5	8	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1160	1921113126	Phan Văn	Bằng	K19TMT	DTE 302 K	10	8	9	5	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1161	1921118558	Trần Ngọc	Châu	K19CMU-TMT	DTE 302 K	7.5	9	0	5	7.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
1162	1920711838	Võ Thị	Cúc	K19DLK	DTE 302 K	10	9	8.5	8	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1163	1821526625	Phạm Phi	Cường	K18YDH	DTE 302 K	10	8	8	9	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1164	1920146858	Lê Thị Anh	Đào	K19CMU-TTT	DTE 302 K	7.5	9	0	9	7.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
1165	1920259757	Phạm Thị Anh	Đào	K19KKT	DTE 302 K	10	9	9	5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1166	1920328557	Đặng Võ	Đạt	K19QNH	DTE 302 K	10	9	9.5	6	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
1167	1920265609	Võ Thanh	Đoan	K19KDN	DTE 302 K	10	9	9	5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1168	1821414074	Hà Ngọc	Đức	K18KTR	DTE 302 K	5	0	0	7	7.5	4.2	Bốn Phẩy Hai	
1169	1920321304	Nguyễn Thị Kim	Dung	K19NAD	DTE 302 K	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1170	1920715880	Nguyễn Thị	Dung	K19DLK	DTE 302 K	10	8	9	7	7.5	8.0	Tám	
1171	1920718908	Nguyễn Thị Kim	Dung	K19DLK	DTE 302 K	10	8	9.5	6	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1172	1920718511	Lê Thị Thùy	Dương	K19DLK	DTE 302 K	10	8	9.5	9	7.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
1173	1921716804	Nguyễn Hoàng	Dương	K19PSU-DLK	DTE 302 K	5	0	0	6	7.5	0.0	Không	
1174	1921163719	Lê Khánh	Duy	K19EVT	DTE 302 K	10	8	8	9	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1175	1920710876	Phạm Thị Mỹ	Duyên	K19PSU-DLH	DTE 302 K	10	9	8	6	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1176	2020717913	Trần Thị Trúc	Duyên	K20PSU-DLK	DTE 302 K	10	9	8	6	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1177	1920218047	Nguyễn Dương Hồng	Hà	K19PSU-QTH	DTE 302 K	10	9	8	8	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1178	1920715954	Đinh Thị Thu	Hà	K19DLK	DTE 302 K	10	9	8.5	9	7.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
1179	1921715952	Lê Trần Quý	Hà	K19QTM	DTE 302 K	10	9	8	5	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1180	1920262375	Nguyễn Thị Thái	Hằng	K19KDN	DTE 302 K	7.5	0	8	7	7.5	6.0	Sáu	
1181	1920258477	Văn Hồng	Hạnh	K19KKT	DTE 302 K	10	8	7.5	7	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1182	1921644970	Nguyễn Văn Thanh	Hào	K19KMQ	DTE 302 K	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
1183	1921113077	Huỳnh Công	Hậu	K19CMU-TMT	DTE 302 K	5	0	0	8	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
1184	1820526544	Vũ Thị Thu	Hiền	K18YDH	DTE 302 K	10	8	8	7.5	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1185	1920719125	Nguyễn Thị Thủy	**Hiền**	K19DLK	DTE 302 K	**10**	**9**	**8.5**	**8.5**	**7.5**	**8.5**	**Tám Phẩy Năm**	
1186	1920736844	Đặng Thị Thu	**Hiền**	K19PSU-DLH	DTE 302 K	**10**	**8**	**7.5**	**6**	**7**	**7.4**	**Bảy Phẩy Bốn**	
1187	1921250739	Võ Trung	**Hiếu**	K19KKT	DTE 302 K	**2.5**	**8**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1188	1920235341	Lê Thị	**Hoa**	K19QTC	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**9**	**7**	**7**	**6.1**	**Sáu Phẩy Một**	
1189	1920258478	Trương Thị Quỳnh	**Hoa**	K19KKT	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**8**	**5**	**7.5**	**5.6**	**Năm Phẩy Sáu**	
1190	1920259289	Nguyễn Thị Thanh	**Hoa**	K19KKT	DTE 302 K	**10**	**9**	**9**	**5**	**7.5**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	
1191	1821413560	Nguyễn Văn	**Hòa**	K18CSU-KTR	DTE 302 K	**10**	**9**	**7.5**	**7**	**7.5**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
1192	1826718598	Lê Thị Khánh	**Hòa**	D18DLKB	DTE 302 K	**10**	**8**	**8.5**	**6**	**7.5**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	
1193	1921628154	Hồ Phụng	**Hoàn**	K19XDC	DTE 302 K	**10**	**10**	**8**	**9**	**8**	**8.8**	**Tám Phẩy Tám**	
1194	1821414768	Phạm Thái	**Hoàng**	K18KTR	DTE 302 K	**7.5**	**9**	**0**	**8**	**8**	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
1195	1921216592	Ông Huy	**Hoàng**	K19PSU-QTH	DTE 302 K	**10**	**8**	**8**	**7**	**8**	**8.0**	**Tám**	
1196	1921216615	Nguyễn Văn Huy	**Hoàng**	K19KMT	DTE 302 K	**10**	**8**	**7.5**	**6**	**8**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
1197	1920267994	Lê Thị	**Huệ**	K19KDN	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**9**	**8**	**7.5**	**6.4**	**Sáu Phẩy Bốn**	
1198	1921623489	Hồ Việt	**Hùng**	K19XDC	DTE 302 K	**10**	**8**	**8**	**6**	**7.5**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
1199	1920716764	Nguyễn Thị Thu	**Hương**	K19PSU-DLK	DTE 302 K	**5**	**8**	**0**	**0**	**7.5**	**4.4**	**Bốn Phẩy Bốn**	
1200	1921235323	Nguyễn Minh	**Huy**	K19PSU-QNH	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**6.5**	**7**	**7.5**	**5.7**	**Năm Phẩy Bảy**	
1201	1921712324	Đặng Phan	**Huy**	K19PSU-DLK	DTE 302 K	**10**	**8**	**8**	**6**	**7.5**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
1202	2020347862	Nguyễn Thị Thanh	**Huyền**	K20VHD	DTE 302 K	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1203	161215135	Nguyễn Hữu	**Khánh**	K16XCD2	DTE 302 K	**10**	**8**	**9**	**6**	**7.5**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	*97779*
1204	1820525274	Nguyễn Thị Minh	**Khuê**	K18YDH	DTE 302 K	**10**	**9**	**8**	**8**	**7.5**	**8.3**	**Tám Phẩy Ba**	
1205	1921173869	Nguyễn Tấn	**Kiệt**	K19EĐT	DTE 302 K	**10**	**8**	**7.5**	**7**	**7.5**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	
1206	1920216619	Phan Châu Gia	**Kỳ**	K19PSU-QTH	DTE 302 K	**10**	**9**	**7.5**	**5**	**7.5**	**7.6**	**BảyPhẩy Sáu**	
1207	1921215041	Nguyễn Thanh	**Lâm**	K19PSU-QTH	DTE 302 K	**10**	**8**	**8.5**	**7**	**7.5**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
1208	1921216613	Nguyễn Phúc	**Lâm**	K19PSU-QTH	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**6**	**8**	**7.5**	**5.8**	**Năm Phẩy Tám**	
1209	1920245378	Bùi Thị Hồng	**Linh**	K19QNH	DTE 302 K	**10**	**9**	**8**	**8**	**8**	**8.4**	**Tám Phẩy Bốn**	
1210	1920642566	Nguyễn Thị Thúy	**Loan**	K19KMQ	DTE 302 K	**10**	**9**	**8**	**7**	**7.5**	**8.0**	**Tám**	
1211	1920715753	Huỳnh Thị Phương	**Loan**	K19DLK	DTE 302 K	**10**	**10**	**9**	**7**	**7.5**	**8.5**	**Tám Phẩy Năm**	
1212	1921644913	Nguyễn Tấn	**Lực**	K19KMQ	DTE 302 K	**10**	**8**	**8.5**	**7**	**8**	**8.1**	**Tám Phẩy Một**	
1213	1820524837	Hoàng Nguyễn Quỳnh	**Mai**	K18YDH	DTE 302 K	**10**	**9**	**7.5**	**6**	**7.5**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	
1214	1921413531	Lê Cảnh Quang	**Minh**	K19KTR	DTE 302 K	**10**	**8**	**7**	**6**	**7.5**	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
1215	1920715903	Đỗ Hoàng Kim	**Ngân**	K19PSU-DLH	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**9**	**6**	**8**	**6.2**	**Sáu Phẩy Hai**	
1216	1920716761	Đặng Thị Hoàng	**Ngân**	K19DLK	DTE 302 K	**10**	**9**	**8.5**	**6.5**	**8**	**8.2**	**Tám Phẩy Hai**	
1217	1820525300	Phan Phương	**Ngọc**	K18YDH	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**9.5**	**9**	**8**	**6.9**	**Sáu Phẩy Chín**	
1218	1920215171	Ngô Thị Diễm	**Ngọc**	K19PSU-QTH	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**7.5**	**5**	**8**	**5.6**	**Năm Phẩy Sáu**	
1219	1920258580	Đinh Thị Diễm	**Ngọc**	K19PSU-KKT	DTE 302 K	**7.5**	**0**	**9**	**7**	**7**	**6.1**	**Sáu Phẩy Một**	
1220	1920718060	Bùi Thị Kim	**Ngọc**	K19PSU-DLK	DTE 302 K	**10**	**8**	**9**	**6**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
1221	1820524208	Phan Vũ Thảo	**Nguyên**	K18YDH	DTE 302 K	**10**	**9**	**8**	**6**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1222	1920719876	Phan Thị Ánh	Nguyệt	K19PSU-DLH	DTE 302 K	7.5	8	9	5	0	5.2	Năm Phẩy Hai	
1223	1920240950	Lê Thị Thanh	Nhàn	K19QNH	DTE 302 K	10	9	9	7	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1224	1910517496	Lê Nguyễn Hoài	Nhi	K19YCD	DTE 302 K	5	0	0	6.5	7.5	0.0	Không	
1225	1920225271	Võ Thị Yến	Nhi	K19PSU-QTH	DTE 302 K	10	9	9	9	7.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1226	1920716750	Trương Thị Thùy	Nhi	K19PSU-DLK	DTE 302 K	10	8	8.5	9	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1227	1920716772	Nguyễn Thị Thiền	Nhi	K19PSU-DLK	DTE 302 K	7.5	0	9	5	7.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
1228	1920715999	Lê Tâm	Như	K19DLK	DTE 302 K	10	8	9	5	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1229	1921213011	Nguyễn Hoàng	Như	K19QTH	DTE 302 K	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
1230	1920255531	Đỗ Thanh Tuyết	Nhung	K19KKT	DTE 302 K	10	8	8	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1231	1920241349	Nguyễn Thị Tố	Nữ	K19QNH	DTE 302 K	10	9	8.5	7	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
1232	1920726025	Hồ Thị Huỳnh	Ny	K19DLK	DTE 302 K	10	8	9	6	8	8.0	Tám	
1233	1920118755	Trần Thị Kiều	Oanh	K19CMU-TTT	DTE 302 K	7.5	9	0	7	8	6.3	Sáu Phẩy Ba	
1234	1920721368	Nguyễn Thị Kim	Oanh	K19DLL	DTE 302 K	10	9	7	8.5	7	8.0	Tám	
1235	1921113093	Trần Hoàng	Phát	K19TMT	DTE 302 K	10	8	7.5	6	7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1236	1921126440	Nguyễn Thanh	Phong	K19CMU-TPM	DTE 302 K	5	0	0	6	7.5	0.0	Không	
1237	1920163726	Nguyễn Minh	Phúc	K19QTC	DTE 302 K	10	8	9	7	7.5	8.0	Tám	
1238	1921123301	Nguyễn Xuân	Phúc	K19TMT	DTE 302 K	10	10	7.5	8	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1239	1921524896	Lê Đức	Phục	K19EĐT	DTE 302 K	10	9	8	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
1240	1920216597	Phạm Thị Phú	Phước	K19PSU-QTH	DTE 302 K	7.5	0	6.5	6	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
1241	1920716799	Dương Thị Ánh	Phước	K19PSU-DLK	DTE 302 K	10	8	8.5	8	7	8.0	Tám	
1242	1920356213	Võ Mai Thị Kiều	Phương	K19VQH	DTE 302 K	10	9	9	6	7.5	8.0	Tám	
1243	1920514107	Hoàng Mai	Phương	K19YDD	DTE 302 K	7.5	9	0	7	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
1244	1920715703	Lê Thị Ngọc	Phương	K19DLK	DTE 302 K	10	8	8.5	6.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1245	1920716740	Trần Nữ Quỳnh	Phương	K19DLK	DTE 302 K	10	10	9	8	7.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1246	1910347723	Nguyễn Thị Bích	Phượng	K19DCD	DTE 302 K	7.5	9	8.5	9	0	6.1	Sáu Phẩy Một	
1247	1920265617	Phan Xuân Cát	Phượng	K19KDN	DTE 302 K	10	10	8.5	6	7	8.0	Tám	
1248	1920267987	Nguyễn Thị	Phượng	K19KDN	DTE 302 K	10	9	7.5	6.5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1249	1921644912	Đoàn Ngọc	Quân	K19PSU-DLK	DTE 302 K	7.5	0	6.5	6	7.5	5.5	Năm Phẩy Năm	
1250	1921126496	Ông Văn	Quang	K19CMU-TPM	DTE 302 K	7.5	0	6	7	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
1251	1921726114	Nguyễn Nhật	Quang	K19DLL	DTE 302 K	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1252	1921246667	Vũ Trọng	Quý	K19PSU-QNH	DTE 302 K	5	0	7	9	0	0.0	Không	
1253	1920718003	Phạm Trần Bảo	Quyên	K19DLK	DTE 302 K	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1254	1820526046	Nguyễn Thị Nhật	Quỳnh	K18YDH	DTE 302 K	10	8	7.5	8	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1255	1921179968	Trần Viết	Rin	K19EĐT	DTE 302 K	10	8	8.5	6	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1256	1821414081	Trần Vũ Tuấn	Sinh	K18KTR	DTE 302 K	7.5	8	0	6	7.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
1257	1921173908	Lê	Sơn	K19EĐT	DTE 302 K	10	9	8	7	7.5	8.0	Tám	
1258	1921644939	Cao Thái	Sơn	K19KMQ	DTE 302 K	10	8	8	6	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1259	1820524184	Trần Thị Thanh	Tâm	K18YDH	DTE 302 K	10	8	8.5	7	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1260	1921178180	Lê Văn	Tân	K19EĐT	DTE 302 K	10	8	7.5	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1261	1920318721	Trương Thị	Thắm	K19NAB	DTE 302 K	10	9	8	7	7.5	8.0	Tám	
1262	1920720840	Phan Thị Mỹ	Thanh	K19DLL	DTE 302 K	10	10	9	6.5	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1263	1921173780	Khúc Hà	Thành	K19EĐT	DTE 302 K	10	8	8	5	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1264	1921326380	Nguyễn Tiến	Thành	K19NAD	DTE 302 K	7.5	0	7	6.5	7.5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
1265	1820525273	Đỗ Xuân	Thảo	K18YDH	DTE 302 K	10	9	7.5	7	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1266	1920255493	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K19KKT	DTE 302 K	10	9	8	6	8	8.0	Tám	
1267	1920265652	Hoàng Nguyễn Phương	Thảo	K19KDN	DTE 302 K	10	9	9.5	7	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1268	1920322677	Lê Thị	Thảo	K19NAD	DTE 302 K	10	9	8	8.5	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1269	1920729503	Nguyễn Đoan Phương	Thảo	K19PSU-DLK	DTE 302 K	10	9	8.5	6	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1270	1821415650	Trần Duy	Thịnh	K18KTR	DTE 302 K	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1271	1910129800	Huỳnh Phước	Thịnh	K19EĐT	DTE 302 K	10	8	8	4	7.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1272	1921113092	Nguyễn Văn	Thịnh	K19TMT	DTE 302 K	7.5	8	4	0	7.5	5.4	Năm Phẩy Bốn	
1273	1921623473	Nguyễn Trường	Thông	K19XDC	DTE 302 K	7.5	9	8.5	7	0	5.6	Năm Phẩy Sáu	
1274	1920215000	Trần Thị Hồng	Thu	K19QTH	DTE 302 K	10	9	9	7	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1275	1820525291	Nguyễn Anh	Thư	K18YDH	DTE 302 K	10	8	7.5	8.5	7.5	8.0	Tám	
1276	1920246664	Nguyễn Đỗ Hoài	Thương	K19PSU-QNH	DTE 302 K	7.5	0	8	6	8	6.0	Sáu	
1277	1920534985	Trần Thị Hoài	Thương	K19YDD	DTE 302 K	7.5	8	0	7	8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
1278	1820525301	Phạm Thị	Thúy	K18YDH	DTE 302 K	10	8	8	5.5	7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1279	1920715950	Trần Thị Hòa	Tiên	K19DLK	DTE 302 K	10	10	9	8	7.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1280	1921212397	Bùi Minh	Tiến	K19QTH	DTE 302 K	10	8	8	8	7.5	8.0	Tám	
1281	1920720892	Đàm Thị	Tình	K19DLL	DTE 302 K	10	10	9	6.5	7.5	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1282	1920216640	Tô Thị Thùy	Trâm	K19PSU-QTH	DTE 302 K	10	9	9	9	7.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1283	1920232567	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	K19QTC	DTE 302 K	10	9	9	7	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1284	1920255449	Lê Hồ Thùy	Trâm	K19KKT	DTE 302 K	10	9	9	7	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1285	1920715828	Nguyễn Thị Bích	Trâm	K19DLK	DTE 302 K	10	9	8.5	6	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1286	1920736852	Nguyễn Thị	Trâm	K19PSU-DLH	DTE 302 K	10	9	9	9	7.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1287	1920719853	Lại Huyền Nữ Quý	Trân	K19DLK	DTE 302 K	10	9	7	7	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1288	1820526044	Trương Thị Thùy	Trang	K18YDH	DTE 302 K	10	9	9	5	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1289	1921163729	Nguyễn Minh	Trí	K19EVT	DTE 302 K	7.5	0	4	8	8	5.5	Năm Phẩy Năm	
1290	1911117106	Dương Tấn	Triệu	K19TCD	DTE 302 K	2.5	0	0	0	7.5	0.0	Không	
1291	1820524836	Ngô Thị Việt	Trinh	K18YDH	DTE 302 K	7.5	10	9	0	7.5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
1292	1920249453	Nguyễn Thị Vũ	Trinh	K19QNH	DTE 302 K	10	9	9.5	8.5	8	8.8	Tám Phẩy Tám	
1293	1920265606	Nguyễn Thị Thanh	Trinh	K19KDN	DTE 302 K	10	8	9	6	8	8.0	Tám	
1294	1920413658	Đỗ Thành	Trung	K19KTR	DTE 302 K	7.5	8	7.5	6	0	5.1	Năm Phẩy Một	
1295	1921216614	Nguyễn Thành	Trung	K19PSU-QTH	DTE 302 K	7.5	0	8.5	5	7	5.5	Năm Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1296	1921215242	Trương Văn	Tuấn	K19QTH	DTE 302 K	10	8	8.5	7	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1297	1921715953	Trương Công	Tước	K19PSU-DLK	DTE 302 K	10	8	8	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1298	1821526714	Lê Tự Ân	Tường	K18YDH	DTE 302 K	7.5	9	0	7	7.5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
1299	1910717185	Nguyễn Thảo Kiều	Uyên	K19DLK	DTE 302 K	10	9	7.5	6	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1300	1821123513	Nguyễn Tiến	Việt	K18CMU-TPM	DTE 302 K	10	5	8	5	7.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
1301	1821524185	Nguyễn Hữu Quốc	Việt	K18YDH	DTE 302 K	7.5	0	8.5	7	7.5	6.1	Sáu Phẩy Một	
1302	1921715982	Trần Minh	Việt	K19PSU-DLK	DTE 302 K	5	0	9	0	7	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
1303	1921215164	Võ Thanh	Vũ	K19QTH	DTE 302 K	5	0	9	0	7	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
1304	1921715762	Huỳnh Bá	Vũ	K19PSU-DLK	DTE 302 K	10	8	8.5	6	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1305	1920261843	Trần Thị Thanh	Xuân	K19KDN	DTE 302 K	10	9	8	6	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1306	1820523601	Nguyễn Thị Hà	Xuyên	K18YDH	DTE 302 K	10	9	8	6	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1307	1820524205	Phạm Thị Minh	Yến	K18YDH	DTE 302 K	7.5	10	8.5	7	0	5.9	Năm Phẩy Chín	
1308	1820525299	Phan Ngọc	Yến	K18YDH	DTE 302 K	10	9	9	6.5	7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
1309	1920726120	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	K19DLL	DTE 302 K	10	9	7	6	7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1310	1821414772	Nguyễn Anh	Đức	K18KTR	DTE 302 K	2.5	0	0	7	0	0.0	Không	
1311	1910512443	Vương Ngọc Khánh	Trang	K19YCD	DTE 302 K	10	9	9	7	7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
1312	1910517443	Ngô Thị Trúc	Hương	K19YCD	DTE 302 K	5	0	0	7	7.5	4.2	Bốn Phẩy Hai	
1313	1920524209	Trương Thị Hương	An	K19YDH	DTE 302 M	10	8.5	7.5	6.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1314	1910216922	Đặng Thị Ngọc	Anh	K19PSU-KKT	DTE 302 M	10	7.5	7.5	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1315	1920268489	Đặng Thị Quỳnh	Anh	K19KDN	DTE 302 M	10	8	7.5	8	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1316	1920641953	Đường Ngọc	Anh	K19KMQ	DTE 302 M	7.5	7	0	8	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
1317	1921613391	Trần Đình Trung	Anh	K19CSU-XDD	DTE 302 M	10	8.5	8	7	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1318	1921235303	Lê Ngọc	Ánh	K19QNH	DTE 302 M	10	7.5	7.5	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1319	1920255470	Hoàng Ngọc Yên	Bình	K19PSU-QNH	DTE 302 M	10	8	8.5	8.5	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1320	1920721893	Nguyễn Thị	Bình	K19DLL	DTE 302 M	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1321	1921245371	Trần Đông	Bình	K19QNH	DTE 302 M	10	8.5	8	8	7	8.0	Tám	
1322	1921319190	Hoàng Sỹ	Bình	K19NAB	DTE 302 M	10	7	8	8	8	8.0	Tám	
1323	172416884	Nguyễn Hậu	Cần	K18PSU-DLK	DTE 302 M	10	8	7	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1324	1920644922	Trần Thị Như	Cành	K19KMQ	DTE 302 M	10	8	7	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1325	1920259950	Võ Thị Ái	Châu	K19KKT	DTE 302 M	10	7	8	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1326	1921173796	Phạm Lê Minh	Châu	K19EĐT	DTE 302 M	10	6	7	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1327	1920256683	Lê Thị Thảo	Chi	K19PSU-KKT	DTE 302 M	10	8	7	7.5	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1328	1921245375	Trần Minh	Chiến	K19QNH	DTE 302 M	10	5	7.5	7	7	7.0	Bảy	
1329	172237363	Hồ Quang	Chính	K17KTR	DTE 302 M	10	7	7	6.5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1330	1911127335	Nguyễn Đức	Cường	K19ECD	DTE 302 M	10	5.5	6.5	7	7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
1331	1921173793	Phan Trần Xuân	Cường	K19EĐT	DTE 302 M	10	7.5	7	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1332	1921173804	Trần Viết	Cường	K19EĐT	DTE 302 M	10	7	7.5	7.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1333	1921173805	Nguyễn	Cường	K19EĐT	DTE 302 M	10	6	6.5	7	7	7.0	Bảy	
1334	1921318534	Nguyễn Văn	Cường	K19NAB	DTE 302 M	10	5.5	7	8	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1335	1921433922	Nguyễn Thành	Cường	K19AĐH	DTE 302 M	10	8.5	7.5	7.5	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1336	1921255455	Trần Ngọc	Đán	K19PSU-KKT	DTE 302 M	10	7	7	7.5	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1337	1921241364	Nguyễn Viết	Đăng	K19QNH	DTE 302 M	10	5	7	7	7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
1338	1921729625	Trần Thanh	Đạt	K19DLK	DTE 302 M	7.5	5.5	0	6.5	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
1339	1920430849	Hà Thị Hoàng	Diễm	K19AĐH	DTE 302 M	10	7	8	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1340	1816217065	Lê Thị Thanh	Diệu	C18KCD2B	DTE 302 M	7.5	5	0	6.5	7	5.2	Năm Phẩy Hai	*97342*
1341	1921123311	Hồ Văn	Đức	K19CMU-TPM	DTE 302 M	7.5	6.5	0	7	7	5.5	Năm Phẩy Năm	
1342	1920265659	Võ Phương	Dung	K19KDN	DTE 302 M	10	9	8	7.5	7	8.0	Tám	
1343	1921116407	Hoàng Phạm Việt	Dũng	K19CMU-TTT	DTE 302 M	7.5	6.5	0	8	8	6.1	Sáu Phẩy Một	
1344	1920316239	Trần Thị Ánh	Dương	K19NAB	DTE 302 M	10	7	8	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1345	1921173838	Trương Thoại	Dương	K19EĐT	DTE 302 M	10	7	6.5	7.5	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1346	1921634020	Bùi Cảnh	Dương	K19AĐH	DTE 302 M	5	0	8	0	7	4.2	Bốn Phẩy Hai	
1347	1921173814	Nguyễn Tài	Duy	K19EĐT	DTE 302 M	10	6.5	7	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1348	1920257975	Tôn Thị Mỹ	Duyên	K19KKT	DTE 302 M	7.5	8	0	8	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
1349	1920261829	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	K19KKT	DTE 302 M	10	8	7	7.5	9	8.2	Tám Phẩy Hai	
1350	1920265611	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K19KDN	DTE 302 M	10	8	7	8	8	8.0	Tám	
1351	1920648412	Bùi Thị Thiên	Giang	K19KMQ	DTE 302 M	7.5	0	7	8	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
1352	1910518779	Mai Thị Thu	Hà	K19YCD	DTE 302 M	7.5	0	7.5	7.5	7	5.9	Năm Phẩy Chín	
1353	1920123163	Trần Thị Thanh	Hà	K19CMU-TTT	DTE 302 M	7.5	6.5	0	7.5	9	6.2	Sáu Phẩy Hai	
1354	1920262458	Ông Thị Thanh	Hà	K19KDN	DTE 302 M	10	8.5	8	8.5	9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
1355	1920633987	Nguyễn Thị	Hà	K19KMT	DTE 302 M	10	6.5	8	7	8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1356	1920316240	Nguyễn Thị Minh	Hải	K19NAB	DTE 302 M	10	8.5	7.5	7.5	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1357	1921173783	Huỳnh Phạm Thanh	Hải	K19EĐT	DTE 302 M	10	6	7.5	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1358	1921215145	Nguyễn Thanh	Hải	K19QTH	DTE 302 M	10	5.5	8	8.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1359	1920644958	Thái Sử Ngọc	Hân	K19KMQ	DTE 302 M	10	8.5	8	8	7	8.0	Tám	
1360	1920258961	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	K19KKT	DTE 302 M	7.5	5	0	7.5	7	5.3	Năm Phẩy Ba	
1361	1920524525	Nguyễn Thanh	Hằng	K19YDH	DTE 302 M	10	7.5	8	7.5	8	8.0	Tám	
1362	1920216634	Trần Thị Mỹ	Hạnh	K19PSU-QTH	DTE 302 M	10	8	8	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1363	1920262484	Võ Thị Ngọc	Hạnh	K19KDN	DTE 302 M	10	6.5	8	6.5	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1364	1920524714	Trương Phương	Hạnh	K19YDH	DTE 302 M	7.5	8	8	7	0	5.3	Năm Phẩy Ba	
1365	1920720843	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	K19DLL	DTE 302 M	10	7	7.5	7.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1366	1920726056	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	K19PSU-DLK	DTE 302 M	10	5.5	8	6	7	7.0	Bảy	
1367	1921433916	Võ Đình	Hạnh	K19AĐH	DTE 302 M	10	8	7	7	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1368	1921179339	Nguyễn Trung	Hậu	K19EĐT	DTE 302 M	10	5	6	7.5	7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
1369	1921235337	Bùi Văn	Hậu	K19QTC	DTE 302 M	10	7.5	7.5	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1370	1920146859	Nguyễn Thu	Hiền	K19CMU-TTT	DTE 302 M	7.5	7.5	0	8	7	6.0	Sáu	
1371	1921438900	Nguyễn Trang	Hiền	K19AĐH	DTE 302 M	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1372	1921123285	Hoàng Văn	Hiếu	K19CMU-TPM	DTE 302 M	7.5	5.5	0	7.5	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
1373	1921620844	Phạm Trọng	Hiếu	K19XDC	DTE 302 M	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1374	1920265602	Trần Thị Tuyết	Hoa	K19KDN	DTE 302 M	10	8	8	7	8	8.0	Tám	
1375	1920634003	Mai Thị	Hoa	K19KMT	DTE 302 M	10	7	7.5	7.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1376	1920316268	Phạm Thị Ngọc	Hòa	K19NAB	DTE 302 M	10	7.5	6.5	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1377	1920245392	Hoàng Thị	Hoài	K19QNH	DTE 302 M	10	7	7.5	8	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1378	172127582	Lương Đình	Hoàng	K17TPM	DTE 302 M	10	6	7.5	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1379	1920715843	Ngô Thị Minh	Hoàng	K19PSU-KKT	DTE 302 M	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1380	1920251848	Nguyễn Thị Việt	Hồng	K19PSU-KKT	DTE 302 M	10	5.5	7.5	7	8	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1381	1910318887	Nguyễn Thị Thu	Hương	K19NCD	DTE 302 M	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1382	1920265632	Võ Thị Thùy	Hương	K19KKT	DTE 302 M	10	9	8	8	7	8.1	Tám Phẩy Một	
1383	1920519142	Tống Thị	Hương	K19KDN	DTE 302 M	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1384	172237419	Phạm Ngọc Hưng	Huy	K17KTR	DTE 302 M	10	7	8	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1385	1920728522	Lâm Hoàng	Huy	K19PSU-QTH	DTE 302 M	0	0	0	0	0	0.0	Không	*Nợ HP*
1386	1921219563	Lê Thanh	Huy	K19QTH	DTE 302 M	10	6.5	6.5	6.5	7	7.0	Bảy	
1387	1921220832	Trần Cảnh Gia	Huy	K19QTM	DTE 302 M	5	0	0	7.5	7	4.1	Bốn Phẩy Một	
1388	1921225259	Nguyễn Đình Anh	Huy	K19QTM	DTE 302 M	7.5	6	0	7	7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
1389	1921255557	Lê Nguyễn Hoàng Nhật	Huy	K19KKT	DTE 302 M	10	9	8	7	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1390	2021345301	Nguyễn Lương Ngọc	Huy	K20VHD	DTE 302 M	2.5	0	0	0	7	0.0	Không	
1391	1920215204	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	K19QTH	DTE 302 M	10	7	8	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1392	1920251397	Trần Ngọc	Huyền	K19KKT	DTE 302 M	10	7.5	8	7	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1393	1920265691	Cao Thị	Huyền	K19KDN	DTE 302 M	10	7.5	7.5	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1394	1920716009	Phan Thị Thu	Huyền	K19DLK	DTE 302 M	10	6.5	7.5	8.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1395	1920736853	Trần Thị Ngọc	Huyền	K19PSU-DLK	DTE 302 M	10	7	8	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1396	1921118969	Lê Trọng	Khải	K19TMT	DTE 302 M	7.5	0	7	7	7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
1397	1820715413	Lê Hoàng Việt	Khanh	K18PSU-DLK	DTE 302 M	10	8.5	7.5	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
1398	1921256680	Nguyễn Tuấn	Khiêm	K19PSU-KKT	DTE 302 M	10	9	7.5	7	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1399	1920634012	Ngô Thị	Khoa	K19KMT	DTE 302 M	10	8	8.5	8.5	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
1400	1821214236	Đỗ Như	Kính	K19QTH	DTE 302 M	10	8	7.5	8.5	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1401	1921255535	Kỳ Xuân	Lam	K19KKT	DTE 302 M	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1402	1921719769	Nguyễn Đình	Lâm	K19PSU-DLK	DTE 302 M	10	7	8	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1403	1920260993	Đoàn Thị	Lan	K19KDN	DTE 302 M	10	8	7.5	8	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1404	1920433968	Hoàng Thị Ngọc	Lan	K19AĐH	DTE 302 M	10	9	7.5	7	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1405	1920720945	Đặng Thị	Lan	K19DLL	DTE 302 M	10	7.5	8	7.5	8	8.0	Tám	
1406	1920241335	Phạm Như Quỳnh	Lê	K19QNH	DTE 302 M	10	7.5	8	8.5	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1407	1921178183	Nguyễn Công	**Lê**	K19EĐT	DTE 302 M	**10**	**5.5**	**7**	**7**	**7**	**7.0**	**Bảy**	
1408	1820336347	Trương Thị Nhật	**Linh**	K18VQH	DTE 302 M	**10**	**7**	**7.5**	**8**	**8**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
1409	1920215061	Nguyễn Thị Hoài	**Linh**	K19QTH	DTE 302 M	**10**	**7**	**8**	**7.5**	**7**	**7.6**	**BảyPhẩy Sáu**	
1410	1920249927	Võ Thị Hoài	**Linh**	K19QNH	DTE 302 M	**10**	**8**	**6**	**7**	**7**	**7.3**	**Bảy Phẩy Ba**	
1411	1920319422	Hoàng Thị Khánh	**Linh**	K19NAB	DTE 302 M	**10**	**8**	**8.5**	**8.5**	**7**	**8.1**	**Tám Phẩy Một**	
1412	1921126488	Đặng Ngọc Vũ	**Linh**	K19PSU-QTH	DTE 302 M	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1413	2020345417	Lưu Khánh	**Linh**	K20VHD	DTE 302 M	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	***Nợ HP***
1414	1921433944	Trần Bảo	**Lộc**	K19AĐH	DTE 302 M	**7.5**	**0**	**7.5**	**7**	**7**	**5.8**	**Năm Phẩy Tám**	
1415	1920318031	Trần Thị Hoàng	**Ly**	K19NAB	DTE 302 M	**10**	**8.5**	**7.5**	**7.5**	**8**	**8.1**	**Tám Phẩy Một**	
1416	1920319674	Trần Khánh	**Ly**	K19NAB	DTE 302 M	**10**	**9**	**8**	**8**	**8**	**8.4**	**Tám Phẩy Bốn**	
1417	1921173827	Nguyễn Thiện	**Mẫn**	K19EĐT	DTE 302 M	**10**	**6.5**	**7**	**7**	**7**	**7.2**	**Bảy Phẩy Hai**	
1418	1920268493	Hoàng Thị Mi	**Mi**	K19KDN	DTE 302 M	**10**	**8.5**	**8**	**7**	**7**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	
1419	1920225261	Trà Thị Thu	**Minh**	K19QTM	DTE 302 M	**10**	**8.5**	**7.5**	**7.5**	**7**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	
1420	1921438743	Trần Công	**Minh**	K19AĐH	DTE 302 M	**10**	**8**	**7.5**	**8.5**	**7**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
1421	1820716461	Tôn Nữ Trà	**My**	K18PSU-DLK	DTE 302 M	**10**	**7**	**7**	**8**	**7**	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
1422	1920248452	Phan Thị Thảo	**My**	K19QNH	DTE 302 M	**10**	**5.5**	**8**	**7.5**	**7**	**7.3**	**Bảy Phẩy Ba**	
1423	1920722476	Phạm Thị Lệ	**Na**	K19DLL	DTE 302 M	**10**	**8.5**	**8**	**8**	**7**	**8.0**	**Tám**	
1424	1921245368	Trần Lê	**Nam**	K19QNH	DTE 302 M	**10**	**5**	**7**	**7**	**7**	**6.9**	**Sáu Phẩy Chín**	
1425	1921715719	Lê Ngọc	**Nam**	K19KDN	DTE 302 M	**10**	**6.5**	**8**	**7**	**7**	**7.4**	**Bảy Phẩy Bốn**	
1426	1920255482	Phạm Thị Thúy	**Ngân**	K19KKT	DTE 302 M	**10**	**6.5**	**8**	**7.5**	**7**	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
1427	1921169397	Nguyễn Bá	**Nghĩa**	K19EVT	DTE 302 M	**10**	**5.5**	**7**	**7**	**7**	**7.0**	**Bảy**	
1428	1921715842	Lê Quang	**Nghĩa**	K19PSU-DLK	DTE 302 M	**2.5**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1429	1821615643	Nguyễn Ngọc	**Nghiêm**	K18CSU-XDD	DTE 302 M	**10**	**5.5**	**4**	**4**	**7**	**5.8**	**Năm Phẩy Tám**	
1430	1920265646	Lê Thị Bích	**Ngọc**	K19KDN	DTE 302 M	**10**	**7.5**	**7.5**	**7**	**7**	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
1431	1920716793	Nguyễn Bích	**Ngọc**	K19PSU-DLK	DTE 302 M	**10**	**8**	**7.5**	**8.5**	**8**	**8.2**	**Tám Phẩy Hai**	
1432	1920235301	Đặng Ngọc Hoàng	**Nguyên**	K19PSU-QNH	DTE 302 M	**10**	**8**	**9**	**8**	**8**	**8.4**	**Tám Phẩy Bốn**	
1433	1921163772	Lê Đoàn	**Nguyên**	K19EVT	DTE 302 M	**10**	**6.5**	**6.5**	**7**	**7**	**7.1**	**Bảy Phẩy Một**	
1434	1920249490	Trần Thị Thu	**Nguyệt**	K19QNH	DTE 302 M	**10**	**6**	**7**	**7**	**7**	**7.1**	**Bảy Phẩy Một**	
1435	142311750	Trần Văn	**Nhân**	K14CMU_TPM2	DTE 302 M	**7.5**	**6.5**	**0**	**6.5**	**7**	**5.4**	**Năm Phẩy Bốn**	***99182***
1436	1921173776	Trương Phú Khánh	**Nhân**	K19EĐT	DTE 302 M	**10**	**8**	**7**	**7.5**	**7**	**7.6**	**BảyPhẩy Sáu**	
1437	1921245367	Đoàn Minh	**Nhật**	K19QNH	DTE 302 M	**10**	**5**	**8**	**7**	**7**	**7.1**	**Bảy Phẩy Một**	
1438	1921524504	Lê Kim	**Nhật**	K19YDH	DTE 302 M	**10**	**7**	**8**	**7**	**7**	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
1439	1910717312	Trần Thị Hiền	**Nhi**	K19PSU-DCD	DTE 302 M	**10**	**5**	**8**	**7.5**	**7**	**7.2**	**Bảy Phẩy Hai**	
1440	1920255553	Trần Thị Thúy	**Nhi**	K19KKT	DTE 302 M	**10**	**7**	**8**	**8**	**8**	**8.0**	**Tám**	
1441	1920519056	Đặng Thị	**Nhi**	K19YDD	DTE 302 M	**10**	**8.5**	**8**	**7.5**	**7**	**7.9**	**Bảy Phẩy Chín**	
1442	1821125635	Phan Văn	**Như**	K18TPM	DTE 302 M	**7.5**	**5**	**0**	**8**	**7**	**5.4**	**Năm Phẩy Bốn**	
1443	1920265622	Lê Quỳnh	**Như**	K19KDN	DTE 302 M	**10**	**7**	**7**	**6.5**	**7**	**7.2**	**Bảy Phẩy Hai**	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1444	1921123207	Nguyễn Quang	Nhựt	K19CMU-TPM	DTE 302 M	0	0	0	0	0	0.0	Không	
1445	1920242653	Nguyễn Thị	Oanh	K19QNH	DTE 302 M	10	8	7.5	8.5	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1446	1920256692	Võ Thị Tú	Oanh	K19PSU-KKT	DTE 302 M	10	7	8	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1447	1920524827	Trần Thị Hoàng	Oanh	K19YDH	DTE 302 M	10	7	8.5	8	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1448	1921216575	Đoàn Thanh	Phong	K19PSU-QTH	DTE 302 M	10	7	7	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1449	1921126461	Trần Lê Nhật	Phúc	K19CMU-TPM	DTE 302 M	10	6.5	7.5	6.5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1450	1921255407	Trương Công	Phúc	K19KKT	DTE 302 M	10	6.5	7	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1451	1820215329	Trần Thị Hoài	Phương	K19PSU-QTH	DTE 302 M	7.5	8	0	8	8	6.3	Sáu Phẩy Ba	
1452	1920258898	Đỗ Thị Anh	Phương	K19KKT	DTE 302 M	10	5.5	8	7	8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1453	1920265607	Trương Nguyên Thảo	Phương	K19QNH	DTE 302 M	10	9	9	7.5	7	8.2	Tám Phẩy Hai	
1454	1920265695	Nguyễn Hà Kiều	Phương	K19KDN	DTE 302 M	10	8.5	7	7.5	8	8.0	Tám	
1455	1920316248	Nguyễn Thị Thanh	Phương	K19NAB	DTE 302 M	10	7.5	7.5	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1456	1920329975	Nguyễn Thị	Phương	K19NAB	DTE 302 M	10	8	8	7.5	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1457	1920527896	Mai Thị Hồng	Phương	K19YDH	DTE 302 M	10	7.5	7.5	6	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1458	1920259637	Nguyễn Thị Kim	Phượng	K19KDN	DTE 302 M	10	6	7.5	7.5	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1459	1921255554	Nguyễn Thành	Quân	K19KKT	DTE 302 M	10	6	7.5	8	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1460	1921321993	Huỳnh Đức	Quang	K19NAD	DTE 302 M	10	8	9	7.5	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1461	1921433959	Mai Phú	Quý	K19AĐH	DTE 302 M	10	6	7.5	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1462	1910717298	Trần Thị Thúy	Quyên	K19DCD	DTE 302 M	10	7.5	8	8	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1463	1920718894	Phạm Thị Ngọc	Quyên	K19DLK	DTE 302 M	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
1464	1920719001	Nguyễn Hoài	Quyên	K19DLK	DTE 302 M	10	8	8	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1465	1920726116	Lê Tự Ngọc	Quyên	K19DLL	DTE 302 M	10	8	6.5	7	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1466	1921146132	Huỳnh Văn Duy	Sơn	K19PSU-QTH	DTE 302 M	10	7	6.5	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1467	1921715834	Trương Hoàng Ngọc	Sơn	K19PSU-DLK	DTE 302 M	10	7	6.5	8	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1468	1920319285	Phạm Thị Hoài	Sương	K19NAB	DTE 302 M	10	6.5	8.5	8.5	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1469	1920321931	Nguyễn Thị Thùy	Sương	K19NAD	DTE 302 M	10	8.5	8	7	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1470	1921163770	Trương Minh	Tài	K19EVT	DTE 302 M	10	7.5	8	7.5	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1471	1921216626	Nguyễn Đắc Nhân	Tâm	K19PSU-QTH	DTE 302 M	10	6	7.5	7	8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1472	1921123258	Vũ Hữu	Thắng	K19TPM	DTE 302 M	10	8	8	8	9	8.5	Tám Phẩy Năm	
1473	1820316106	Trần Thị	Thành	K18NAB	DTE 302 M	10	8.5	8	7.5	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1474	1821126417	Nguyễn Ngọc	Thành	K18TPM	DTE 302 M	10	7.5	7	7	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1475	1921245380	Lê Văn	Thành	K19PSU-QNH	DTE 302 M	7.5	0	7.5	7	7	5.8	Năm Phẩy Tám	
1476	1921248453	Phạm Công	Thành	K19QNH	DTE 302 M	10	7	7	7.5	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1477	1920265687	Lê Thị Bích	Thảo	K19KDN	DTE 302 M	10	7.5	7.5	8	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1478	1920719479	Lê Thạch	Thảo	K19DLK	DTE 302 M	10	8	8	7.5	8	8.1	Tám Phẩy Một	
1479	1920726031	Đoàn Thị Thu	Thảo	K19DLL	DTE 302 M	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
1480	1921169466	Trương Văn	Thi	K19DLK	DTE 302 M	10	5.5	6.5	7	7	6.9	Sáu Phẩy Chín	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1481	1810225587	Nguyễn Thị Ngọc	Thiện	K18PSU-QCD	DTE 302 M	10	6	7	8	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
1482	1911129146	Nguyễn Trung	Thiện	K19ECD	DTE 302 M	7.5	5	0	6	7	5.1	Năm Phẩy Một	
1483	1921639485	Nguyễn Đức	Thủ	K19KMT	DTE 302 M	10	6	6.5	7	7	7.0	Bảy	
1484	1820316104	Trần Hoàng Anh	Thư	K18NAB	DTE 302 M	10	7.5	7.5	8	8	8.0	Tám	
1485	171446730	Đỗ Thị Thu	Thương	K17PSU_DCD2	DTE 302 M	7.5	5.5	0	8	7	5.5	Năm Phẩy Năm	
1486	1920215096	Nguyễn Minh Hoài	Thương	K19QTH	DTE 302 M	10	8	7.5	7.5	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1487	1920256719	Phan Thị Thanh	Thương	K19PSU-KKT	DTE 302 M	10	7	8	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1488	1920146150	Võ Thị	Thúy	K19TTT	DTE 302 M	10	5	7.5	7.5	8	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1489	1920319005	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	K19NAB	DTE 302 M	10	8	7	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1490	1820614747	Hoàng Minh	Thùy	K18CSU-XDD	DTE 302 M	10	7.5	7	8	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1491	1920316325	Lường Thị	Thủy	K19NAB	DTE 302 M	10	7	7.5	7.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1492	1920126462	Đặng Thị Trinh	Tiên	K19CMU-TTT	DTE 302 M	7.5	7.5	0	7	9	6.3	Sáu Phẩy Ba	
1493	1921163774	Lê Đình	Tiên	K19EVT	DTE 302 M	10	8	7	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1494	1817217077	Nguyễn Trần Xuân	Tiến	C18KCD1B	DTE 302 M	0	0	0	0	0	0.0	Không	*97325*
1495	1821724423	Nguyễn Quốc	Tín	K19DLL	DTE 302 M	10	6	7	7.5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1496	1921225266	Trần Quang Minh	Toàn	K19QTM	DTE 302 M	5	0	0	7	7	0.0	Không	
1497	1921529390	Nguyễn	Toàn	K19YDH	DTE 302 M	10	5.5	7	6.5	7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
1498	1920245377	Nguyễn Thị Bích	Trâm	K19QNH	DTE 302 M	10	8.5	8	7.5	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1499	1920255403	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	K19NAD	DTE 302 M	10	7	8	7	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1500	1920316307	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	K19NAB	DTE 302 M	10	7	8	7.5	8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1501	1920242322	Nguyễn Phương Thùy	Trang	K19PSU-QNH	DTE 302 M	10	8	8	7	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
1502	1920245370	Huỳnh	Trang	K19QNH	DTE 302 M	10	9	7	7.5	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1503	1920251388	Võ Thùy	Trang	K19KKT	DTE 302 M	10	7	7	7	8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1504	1920258475	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K19KKT	DTE 302 M	10	7.5	7.5	6.5	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
1505	1920259933	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	K19KKT	DTE 302 M	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1506	1920326366	Dương Xuân	Trang	K19NAD	DTE 302 M	10	8.5	6.5	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
1507	1921524398	Lương Thị Thu	Trang	K19PSU-DLK	DTE 302 M	10	7	8	7	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
1508	1921726096	Nguyễn Thanh	Trí	K19PSU-DLK	DTE 302 M	7.5	8	8	0	7	6.1	Sáu Phẩy Một	
1509	1820316671	Phạm Thị Tuyết	Trinh	K18NAB	DTE 302 M	10	8.5	7.5	8	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
1510	1920216579	Nguyễn Thị Phương	Trinh	K19PSU-QTH	DTE 302 M	10	7.5	8	7.5	8	8.0	Tám	
1511	1921127835	Lâm Khương	Trung	K19TPM	DTE 302 M	10	8	8	8	8	8.2	Tám Phẩy Hai	
1512	1921215094	Phạm Phú	Trung	K19PSU-QTH	DTE 302 M	10	8	7	7	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
1513	1920246658	Nguyễn Thị Thanh	Tú	K19PSU-QNH	DTE 302 M	10	7	9	8.5	8	8.3	Tám Phẩy Ba	
1514	1921215195	Vũ Anh	Tú	K19QTH	DTE 302 M	10	7	7	6.5	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
1515	1921146869	Huỳnh Việt	Tuấn	K19CMU-TPM	DTE 302 M	7.5	5	7.5	7	0	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
1516	1921433939	Trần Cao	Tùng	K19AĐH	DTE 302 M	10	5	7.5	7	7	7.0	Bảy	
1517	1921123213	Phan Thế	Tướng	K19TPM	DTE 302 M	10	5	7	7.5	7	7.0	Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP * HK1 NĂM HỌC 2015-2016
MÔN : KỸ NĂNG XIN VIỆC * SỐ TÍN CHỈ : 2
KHỐI LỚP: A-C-E-G-I-K-M

Thời gian : 20/11/2015 **Lần thi : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP HỌC PHẦN	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP					ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						C.CẦN	BÀI KT 1	BÀI KT 2	BÀI KT 3	BÀI KT4			
						10%	20%	20%	20%	30%	SỐ	CHỮ	
1518	1820234873	Lê Thị Ánh	**Tuyết**	K18QTC	DTE 302 M	**10**	**8**	**8**	**7**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
1519	1920216643	Trịnh Châu Nữ Tố	**Uyên**	K19PSU-QTH	DTE 302 M	**10**	**6.5**	**7.5**	**8**	**8**	**7.8**	**Bảy Phẩy Tám**	
1520	1920225252	Trương Thị Tố	**Uyên**	K19NAB	DTE 302 M	**10**	**8**	**7**	**6.5**	**7**	**7.4**	**Bảy Phẩy Bốn**	
1521	1920316260	Phạm Hà	**Uyên**	K19NAB	DTE 302 M	**10**	**7**	**8**	**8**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
1522	1920634015	Trần Mỹ Hoàng	**Uyên**	K19KMT	DTE 302 M	**10**	**5.5**	**7.5**	**7**	**7**	**7.1**	**Bảy Phẩy Một**	
1523	1820316589	Nguyễn Tường	**Vi**	K18NAB	DTE 302 M	**10**	**8**	**7.5**	**8.5**	**8**	**8.2**	**Tám Phẩy Hai**	
1524	1920123251	Hà Thị Thanh	**Vi**	K19TPM	DTE 302 M	**10**	**7**	**8**	**8.5**	**8**	**8.1**	**Tám Phẩy Một**	
1525	1920423687	Trần Thị Anh	**Việt**	K19AĐH	DTE 302 M	**10**	**8**	**7.5**	**7**	**7**	**7.6**	**BảyPhẩy Sáu**	
1526	1921126427	Mai Quốc	**Việt**	K19CMU-TPM	DTE 302 M	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1527	1921430855	Nguyễn Hồng	**Việt**	K19AĐH	DTE 302 M	**10**	**6.5**	**7**	**8**	**7**	**7.4**	**Bảy Phẩy Bốn**	
1528	1921215045	Lê Tấn	**Vinh**	K19QTH	DTE 302 M	**10**	**7**	**7**	**7**	**7**	**7.3**	**Bảy Phẩy Ba**	
1529	161136020	Đinh Tuấn	**Vũ**	K19KCD	DTE 302 M	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1530	152142599	Nguyễn Duy	**Vũ**	K18CMU-TTT	DTE 302 M	**7.5**	**0**	**7**	**7.5**	**8**	**6.1**	**Sáu Phẩy Một**	
1531	1921173848	Lê Xuân	**Vũ**	K19EĐT	DTE 302 M	**2.5**	**0**	**4.5**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1532	1921431332	Mai Xuân	**Vũ**	K19AĐH	DTE 302 M	**7.5**	**6**	**0**	**6.5**	**7**	**5.3**	**Năm Phẩy Ba**	
1533	1921610925	Trần Tuấn	**Vũ**	K19XDD	DTE 302 M	**7.5**	**0**	**7.5**	**6**	**7**	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
1534	1921644948	Trần Quang	**Vủ**	K19KMQ	DTE 302 M	**5**	**6**	**0**	**7.5**	**0**	**0.0**	**Không**	
1535	1921715708	Đặng Văn Quốc	**Vương**	K19DLK	DTE 302 M	**10**	**8**	**8**	**7**	**7**	**7.7**	**Bảy Phẩy Bảy**	
1536	1820713711	Phan Thái Hoàng	**Vy**	K18PSU-DLK	DTE 302 M	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1537	1920326355	Huỳnh Lê Thúy	**Vy**	K19NAB	DTE 302 M	**10**	**7**	**7**	**8**	**7**	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
1538	1920715949	Lê Thị Tường	**Vy**	K19DLK	DTE 302 M	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.0**	**Không**	
1539	1920715983	Lê Thị Mỹ	**Yến**	K19PSU-DLH	DTE 302 M	**7.5**	**6.5**	**0**	**7**	**9**	**6.2**	**Sáu Phẩy Hai**	
1540	1920726112	Phan Thị Kim	**Yến**	K19DLL	DTE 302 M	**10**	**6.5**	**8**	**8**	**7**	**7.6**	**BảyPhẩy Sáu**	
1541	1920729817	Mai Hải	**Yến**	K19DLL	DTE 302 M	**10**	**7.5**	**6.5**	**6**	**7**	**7.1**	**Bảy Phẩy Một**	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ
1	Số sinh viên đạt	1404	91%
2	Số sinh viên nợ	137	9%
TỔNG CỘNG :		**1541**	**100%**

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 11 năm 2015

LẬP BẢNG **PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH**

Nguyễn Thị Kim Phượng **ThS. Nguyễn Ân**